Năm thứ hai — Số 67
Tuần-lễ từ thứ tư 7 Octobre
đến thứ ba 13 Octobre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra thằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Một người suốt đời trọn-vẹn hi-sinh để mưu lợi cho thiên-hạ — *Hoa-Bằng*
Bài thơ « Đất cười » phải chăng của vua Lê Thánh-Tôn ? — *Phạm mạnh-Phan*
Tra nghĩa chữ nho (XIX) — *Nguyễn văn-Tố*
Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXXXII) — *Ứng-Hòe*
Phê-bình « Chân trời cũ » — *Kiều thanh-Quế*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (VI) — *Nhật-Nham*
Một nghi-đểm về lịch-sử đã được biện-minh ? — *Long-Điền*
Đảo Ái-nhĩ-lan (Irlande) — *Nhật Nham*
Những ông nghè triều Lê (XXXVII) — *Ứng-Hòe Nguyễn Văn-Tố*
Cụ Tiên-điền với « hùng ta » — *Hồi-Thống Vũ văn-Lợi*
Nam đàn bát « hầu tục thảo (V) — *Tùng-Vân Nguyễn đôn-Phục*
Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt truyện » (VII) — *Thọ-Xuân Lê văn-Phúc*
Trúc mai sum họp (Tiểu thuyết, XV) — *Chu-Thiên*

0 $ 20

Triết nhân Đông-phương

MỘT NGƯỜI SUỐT ĐỜI ĐỂ MƯU LỢI

«DƯỚI mặt trời, không có cái gì là mới ». Những học - thuyết, những chủ nghĩa như hòa bình, bác ái, xã hội, nhân đạo này khác tuy nó mới nhập cảng vào xứ ta và người mình mới được thấy nghe những danh từ mới mẻ ấy độ vài mươi năm nay đấy thật, nhưng trước đây hàng 2000 năm, ở Đông-phương, đã có người đề xướng và tuyên truyền rồi.

Trong khi các bạn trẻ đang mải nghiên cứu về triết học của Kant, của Descartes, của Auguste Comte v.v. tôi tưởng cũng nên đem ít học thuyết đẹp đẽ của Đông-phương xưa mà giới thiệu ra đây không ngoài mục đích như nhà học giả Lương khải-Siêu đã nói trong bài « Âu du tâm ảnh lục » đăng ở Thời sự tân báo *bên Thượng - hải : « . . . đem văn - minh của Âu-tây ra trau giồi, mở rộng cho văn minh của ta, lại đem văn minh của ta ra bù đắp giúp đỡ cho văn minh của Âu-tây, để hóa hợp lại, khiến nó thành ra một thứ văn minh mới».*

Nay tôi muốn nói đến Mặc-tử và ít nhiều tư tưởng của ông.

Xưa ta học nho, sở dĩ coi thường Mặc-tử, không thèm đếm xỉa đến học-thuyết, đến chủ - nghĩa của Mặc, là vì ta bị ngăn đón, bưng bịt bởi cái rào của Mạnh-tử và cái màn của Chu-Hi.

Mạnh-tử, vì lòng vệ đạo, vì ý muốn thực hành chủ nghĩa của mình, buộc phải hết sức công-kích những học phái khác, mong quét sạch những sức phản động ở xung quanh, nên lớn tiếng bài xích họ Mạc là « vô phụ » là « tà thuyết vu dân » (Mạnh-tử Đằng-văn-Công hạ) *Rồi đồ-đệ nhà nho, như Trình-tử, Chu-tử chẳng hạn, lại ùa-ạt dựa theo Mạnh-tử mà thẳng tay bóp bẹp đạo Mặc cũng như hăm-hở đánh đổ đạo Dương.*

Một ông tiên-nho là Trần thị đã hết sức xưng tụng cái công của Mạnh-tử chống Dương bài Mặc là chẳng kém công của Hạ Vũ trị hồng thủy để cứu thiên-hạ, vì lấy lẽ rằng lòng người bị chìm đắm còn nguy hơn xác người bị đắm chìm ! (Mạnh - tử tập - chú tự-thuyết).

Dẫu vậy, trong phái nhà nho, cũng có một đôi người như Hàn Thoái-Chi đời Đường, chẳng những không bài Mặc, mà lại tôn Mặc lên cao bằng Khổng Trọng-Ni, nên đã nói : « Khổng-tử tất dùng Mặc-tử, Mặc-tử tất dùng Khổng-tử » (thiên độc Mặc-tử *trong tập* Hàn Xương Lê).

Ta xưa, học vấn phải noi theo khuôn sáo trường ốc, tư tưởng bị giam hãm trong xiềng-xích của ngụy nho, nên ngoài Khổng Mạnh, ít người biết đến chân hình bản tướng của Mặc-tử ! Như vậy, đối với quan-niệm vi học ngày nay, tưởng thật quả hẹp !

Vậy Mặc-tử là người thế nào ? Tư-tưởng của Mặc ra sao ? Trên tờ Tri-Tân này, tôi sẽ lần lượt nói đến.

Tiểu-sử Mặc-tử

Ông họ Mặc, tên Địch ; « tử » là tiếng người đời dùng để tôn xưng ông, cũng như kêu thày Mạnh Kha là Mạnh tử vậy.

Cái cớ người ta không rõ lý-lịch nhà đại hiền-triết ấy, gây thành vấn-đề phải bàn đi luận lại về quê-quán và niên đại của Mặc-tử, là vì Sử-ký của Tư-mã Thiên không chép riêng một truyện-ký về Mặc-tử, song chỉ phớt qua mấy lời phụ vào sau truyện Mạnh-tử và Tuân-khanh : « Ý chừng Mặc-Địch là quan đại-phu nước Tống, giỏi thuật chống giữ, theo phép tiết dụng. Hoặc nói ông ở ngang đời Khổng-tử ; hoặc nói ông ở sau ngài ».

Vì Sử-ký của Thái-sử-công chép sơ như thế, nên gốc gác Mặc-tử là người nước nào, xưa nay có nhiều thuyết khác nhau :

Thuyết bảo ông là người nước Sở, ấy là phái Tất-Nguyên và Vũ-Ức.

Thuyết bảo ông là người nước Tống, ấy là phái Lý - Thiện, Dương-Lạng.

Còn thuyết nữa, của phái Cao-Dụ, lại cho Mặc-tử là người nước Lỗ

Rồi Độ-Biên-Tú-Phương trong cuốn Trung-quốc triết học sử khái luận, *cũng nói Mặc-tử là người nước Lỗ.*

Rồi Lương Khải - Siêu, trong cuốn Mặc tử học án, *lại tìm hết lý-lẽ mà biện-luận, cho thuyết « Mặc-tử người nước Lỗ » là phải hơn (nước Lỗ nay là khu-vực từ phủ Duyện-châu tỉnh Sơn-đông đến Phi-tử).*

Vậy nay ta hãy cứ tạm biết Mặc- ử là người nước Lỗ.

Chứng cũng căn-cứ vào Sử-ký *của Thái-sử-công và* Hán-thư Nghệ-văn chí, *nhà học giả Độ-Biên-Tú-Phương cũng chép Mặc-tử có làm đại-phu nước Tống, nhưng Lương Khải-Siêu không tin cái sử-liệu ấy của* Sử-ký, *có cãi rằng : « Xét trong bộ* Mặc-tử, *tuyệt không có dấu-vết gì tỏ ra Mặc-tử đã từng làm quan nước Tống Có lẽ Thái-sử-công vì thấy việc Mặc - tử có cứu nạn nước Tống, nên mới nói rằng Mặc có làm quan ở Tống chăng. Thực ra Mặc-tử cứu Tống, là chỉ vì trực-hành chủ-nghĩa* kiêm ái *và* phi-công, *chứ nào có kể mình có làm quan hay không làm quan đâu ? » Rồi Lương kết-luận : « Tôi tưởng Mặc-tử thủy chung chỉ là một người bình-dân, không từng có làm quan lần nào ». Đó vì Lương viện chứng rằng Mặc-tử là người nói sao làm vậy. Trong thiên* Quí-nghĩa *sách* Mặc-tử *chẳng nói đấy ư : « Đạo mà người ta không làm, thì mình không chịu nhận thưởng ; nghĩa mà người ta không nghe, thì mình không đứng ở triều-đình ». Nước Tống bấy giờ có phải là nước biết làm theo đạo và nghe theo nghĩa không ? Vậy Mặc-tử phỏng có chịu đứng ở triều-đình một nước như thế mà làm đại-phu không ?*

∴

Như Hồ-Thích đã nói trong cuốn Trung-quốc triết-học sử đại-cương, *muốn biết cái thứ-tự truyền thụ duyên cách về học-thuyết của một nhà nào, thì trước phải khảo định cái thời đại của nhà ấy xem học-thuyết này ra từ bao giờ và phát-đạt vào hồi nào, rồi mới có thể bàn luận một cách xác-đáng được. Vậy nay muốn giảng cứu về học-thuyết của Mặc-tử, tất trước phải biết Mặc sinh vào thời nào đã. Thế thì cái niên-đại của Mặc-tử lại là một vấn-đề cần phải khảo trước khi nói đến học-thuyết của ông.*

Nay ta không cần phải gạt phủi lớp bụi thời-gian, tìm kiếm lấy tài-liệu ở trong đống sách cũ mà bác thuyết nọ, viện lý kia để chứng thực rằng Mặc-tử sinh vào đời nào cho tốn công nữa, ta chỉ cần làm một công việc rất giản-tiện là nhờ sự khảo cứu của các nhà học-giả như Hồ-Thích, Lương-Khải-Siêu đã giúp cho ta thấy những kết quả tốt-đẹp mà họ đã kiếm được kia, rồi ta kiểm-điểm lại, thẩm-tra lại, đối-chiếu lại, nếu thấy lý-luận của ai không xa sự thực thì ta có thể nhặt lấy mà dùng

Theo Hồ-Thích thì Mặc tử chứng sinh vào khoảng năm thứ 20 30 đời Chu Kính-vương, tức khoảng 500 490 trước Tây-lịch và mất vào khoảng năm thứ 1 — 10 đời Chu Ug-liệt-vương, tức khoảng 425 – 416 trước Tây-lịch. Khi Mặc-tử sinh, chừng vào khoảng Khổng-tử đã 50, 60 tuổi, (Khổng-tử sinh năm 551 trước Tây-lịch); đến khi Ngô Khởi chết, thì Mặc tử chết cũng đã hầu được 40 năm rồi (Trung quốc triết-học sử đại cương, *quyển trên, trang 147)*

Nhưng bác lại cái thuyết của Hồ, Lương khải-Siêu có viết một thiên « Mạc-tử niên đại khảo », khảo chứng rất xác đáng tinh-tường, xem ra có thể đứng vững được. Đại-khái trong thiên ấy Lương lấy những người mà Mặc tử đã từng giao tiếp làm căn cứ, rồi so sánh suy tính để tìm ra niên đại của Mặc tử. Kết luận, Lương suy định rằng: Mạc tử sinh vào khoảng năm thứ 1 — 10 đời Chu Định vương, tức khoảng 468-459 trước Tây-lịch và mất vào khoảng năm thứ 12 20 đời Chu An-vương, tức khoảng 390-382 trước Tây - lịch. Thế là Mặc-tử chừng sinh vào sau khi Khổng tử mất hơn 10 năm (Khổng - tử mất năm 479 trước Tây - lịch) và chừng chết vào trước khi Mạnh-tử sinh hơn 10 năm (Mạnh tử sinh năm 372 trước Tây lịch)

Vậy nay ta hãy tạm theo Lương mà khẳng nhận Mặc tử là người ở vào khoảng sau Khổng tử và trước Mạnh tử.

Xem tiếp trang 7

TRỌN-VẸN HI-SINH CHO THIÊN-HẠ

HOA-BẰNG

Một mối ngờ trên thi đàn

Bài thơ «dệt cửi» phải chăng của VUA LÊ THÁNH-TÔN?

PHẠM MẠNH-PHAN

NƯỚC ta kể từ họ Hồng bàng (2879-258 trước Thiên Chúa) qua ba lần Bắc thuộc, trong kho quốc văn không thấy còn truyền lại lấy một bài thơ văn nào viết bằng tiếng nước nhà.

Mãi tới triều Trần (1225-1400) mới có một vài nhà văn như vua Nhân-Tôn (1279-1293), như Nguyễn Thuyên tức Hàn Thuyên, dùng văn nôm làm thơ phú. Từ bấy giờ trở đi các văn nhân trong nước mới thỉnh thoảng dùng tiếng mẹ đẻ mà ngâm vịnh những khi nhàn rỗi.

Mặc dầu cuối đời nhà Trần, Hồ quý Ly đã có sáng kiến dùng chữ nôm để dịch thiên Vô dật trong kinh Thư và cuối thế-kỷ thứ 18, vua Quang trung nhà Tây-sơn đã dùng chữ nôm trong công văn và khoa thi, chữ Hán vẫn được mọi người tôn trọng và chữ nom chỉ là một thứ văn chương tiêu-khiển.

Vì vốn coi khinh tiếng mẹ đẻ nên, trừ một số ít, các tiền nhân chúng ta ít ai để ý trau giồi quốc văn. Nếu ngày nay chúng ta góp nhặt các bài lại thì phần nhiều không do ở những bản thảo chính của các tác-giả mà do ở sự truyền khẩu hoặc ở các bản chép lại của các tư gia.

Không nói gì những bài thơ phú ngắn, mà tới quyển truyện *Kim vân kiều* của cụ Nguyễn Du ở đầu thế kỷ thứ 19 cũng không tránh khỏi cái nạn tam sao thất bản. Người đọc, trước những câu thơ khác nhau, phải phân vân suy nghĩ mà khó bề định liệu các nghĩa nông sâu.

Thật là một việc đáng phàn nàn cho học giới nước nhà. Những người hằng sốt-sắng thờ-phụng quốc-văn vẫn mong các nhà học giả tra cứu các sách mà đính chính lại những chỗ sai-lầm trong cái gia tài văn chương của tiền nhân đã lưu lại

. . .

Hôm nay tôi đem trình cùng các bạn đọc và các nhà khảo-cứu bài thơ « *dệt cửi* » và mong các ngài định rõ tác-giả bài đó là ai, tưởng cũng không phải là một việc vô ích vậy.

Nếu chúng ta lần giở cuốn *Văn đàn bảo giám* (cuốn thứ nhất) của ông Trần Trung Viên in lần thứ hai (1929) thì ở trang 99 chúng ta thấy bài này :

Dệt cửi Lê-Thánh-Tôn

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương,
Vậy phải lên ngồi gỡ gởi giường
Tay ngọc lần đưa thoi nhặt nguyệt,
Gót vàng dận đạp máy âm dương.

Trong cuốn *Viết văn hợp tuyển giảng nghĩa* của giáo sư Lê-thành Ý và ông tú Nguyễn Hữu Tiến xuất bản năm 1925, ở trang 25, chúng ta cũng thấy dưới đầu đề « *Dệt vải* » bốn vâu thơ trên. Chỉ có chữ « dận » ở câu thứ 4 thì chép là « dậm » và các tác giả cũng chưa là của vua Lê Thánh-Tôn. Cuối bài chúng ta thấy lời phê-bình này : « Bài thơ trên này là khẩu-khí một ông vua anh-hùng ».

Cuốn *Nam thi hợp tuyển* (*1927*) của ông Ôn-như Nguyễn Văn-Ngọc trang 52 cũng công nhận bài thơ trên là của vua Lê. Ở đoạn *Ý và văn*, Ôn Như tiên sinh có viết : « *Tay ngọc gót vàng* tất cũng là một bà hoàng hậu hay một bà công chúa gì đó. Bà ấy thực có bụng thương dân (câu 1) hết sức giúp dân (câu 2), lúc nào cũng chăm chỉ việc dân, cho rằng khó nhọc vất vả đến đâu cũng không quản ngại, vì hiểu rõ cái nghĩa vụ của một bậc mẫu nghi thiên hạ phải như thế (câu 3 và 4) »

Hơn nữa trong cuốn *Quốc văn trích diễm* của giáo sư Dương-Quảng-Hàm vừa cho tái bản năm nay (1942) ở trang 7 cũng chép bài « *Dệt cửi* » là của vua Lê-Thánh-Tôn (1442-1497).

Đem những sách đã kể trên mà đối chiếu lẽ độc giả và chúng tôi đã kết luận là chính bài

thơ đó của vua Lê Thánh Tôn, không còn nghi-ngờ gì nữa.

***

Nhưng theo ông Quách Tấn trong tạp chí *Gió mùa* số 3 xuất bản ở Saigon ngày 27-12-1941, thì cũng trong *Văn đàn bảo giám* của ông Trần Trung Viên (cuốn thứ 3) bài thơ trên không phải của vua Lê mà là của cụ Phan Thanh-Giản. Bài đó không những chỉ có 4 câu mà lại có những 8 câu sau này dưới đầu đề

Đàn bà dệt gấm

Thấy dân đói rách nghĩ mà thương,
Ngồi ở trên khung sửa mối giường.
Tay ngọc nhặt đưa thoi nhật nguyệt,
Gót son lần đạp máy âm dương
Xuân hoa tơ liễu duyên vòng kết
Duyên hiệp rồng mây chỉ vấn vương,
Dâng gấm sân chầu đành có thủa,
Sánh nhường Tô Huệ bực văn chương.

Rồi ông Quách Tấn bác bài trên không phải của vua Lê vì « câu kết lại là khẩu khí của một người bề tôi « Bài đó cũng không phải của cụ Phan Thanh Giản vì theo chỗ ông Quách Tấn biết thì « thơ của họ Phan có phần chân-thiết », mà « bài *Dệt-cửi* thì văn,chương khắc hoạch như thế không thể bảo là của họ Phan được.

Ông trả lời bài đó là của Tôn Thọ-Tường mà chép như sau này

Thấy dân rét mướt động lòng thương,
Phải bước lên khung sửa mối giường.
Tay ngọc lẹ đưa thoi nhật nguyệt,
Gót son lần đạp máy âm-dương,
Xuân riêng hoa liễu tơ dàn kết,
Ý hiệp rồng mây chỉ vấn vương
Dâng gấm sân chầu mong có thủa
Sánh dường Tô-Huệ bức văn chương.

Ông Quách Tấn lấy lẽ Tôn Thọ Tường vì ra làm quan với Đại-Pháp đã bị mang tiếng « bất trung » nên mới đem tâm sự mà ký thác vào bài thơ đó.

Nhưng ông Khuông-Việt không đồng ý kiến ấy, Trong *Gió Mùa* số 4, ông đã lên tiếng phản đối và nhất định bác các lý lẽ của ông Tấn vì ông đã hỏi tất cả những người trong họ Tôn « thì tuyệt nhiên không nghe nói đến bài *Dệt cửi* »,

Ông Khuông-Việt cho « bài thơ đó có thể là của bất cứ một sĩ-phu nào khác đã sống trong một thời kỳ âm u của lịch sử Việt nam, chớ quyết không phải là của Tôn Thọ Tường »,

Vậy thì bài thơ « *Dệt cửi* » là của ai ?. Đó là một câu hỏi mà tôi muốn nêu lên đây để chất chính cùng bạn đọc những ai có đủ thẩm quyền và bằng chứng về gốc tích bài thơ đó.

Các lý lẽ của ông Khuông-Việt không lấy gì làm chắc-chắn cũng như các lẽ của ông Quách-Tấn vì cả hai đều lập luận theo sự dự đoán riêng chứ không căn-cứ vào các tài liệu xác đáng.

Tôi mong các bạn xoá giùm mối ngờ đó trên thi đàn, Trong văn-chương ta những sự nhầm lẫn như vậy vẫn thường có, chẳng những về các bài văn cổ mà cả đến những bài văn kim nữa.

Bài phú *Thầy phán* của Tú Mỡ người ta đã gán nhầm trong *Nam phong* cho Tú xương. Cô Lệ Chi Nguyễn Vỹ trong *Đông Tây* đã nhất định khen bài thơ chữ Pháp *Sur le fleuve des parfums* là của vua Duy Tân. Ông Trần Thanh-Mại trong cuốn *Đời văn I* đã kiếm đủ tài liệu chứng thực bài thơ đẹp ấy không phải của vua Duy Tân mà là của ông Guibier sở lâm-chính Trung-kỳ

Tôi muốn cũng như Trần quân « hãy trả lại cho César cái gì của César ». Nếu chúng ta không tìm đủ tài liệu để chứng thực ai là tác giả bài thơ «*Dệt cửi*» thì tôi tưởng, cuối bài đó, nên chua hai chữ «Khuyết danh» để đợi khảo,

PHẠM-MẠNH-PHAN

Các sách báo tham khảo :
Đào duy - Anh : Việt *Nam văn hóa sử cương*
Phạm Quỳnh: *Nouveaux essais franco-annamites*
Trần trọng kim : *Việt Nam sử lược*
Hoa Bằng : *Việt-nam văn học sử đăng-ở* Tri tân từ số 2 đến 56.
Khâm định việt-sử quyển XI, tờ 22b 23a

Những sách của Lê-Thăng xuất bản
Imprimerie du Nord
133 Rue du Coton Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang - Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25
2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 50
3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 50
4·) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 80
5·) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 19

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

X. — Chữ m

Ma là quỉ, tức hồn người chết làm mê - hoặc người ta : *Ngạc nghiêm kinh* có câu ; « Hàng phục chư ma », làm cho các ma phải hàng-phục. *Ma* còn nghĩa là ham quá thành bệnh, như « tửu - ma », bệnh uống rượu, « thi-ma », bệnh làm thơ. *Ma-chướng* là tiếng nhà Phật : các kinh Phật nói có mười hoặc bốn-mươi-nhăm giống ma-chướng, làm chướng-ngại việc tu-đạo. Bây giờ, phàm người nào làm việc không được sáng-suốt cũng gọi là Ma-chướng. *Ma-lực* là sức của ma-thuật ; người nào hay vật gì, như tiền-bạc chẳng hạn, có cái năng - lực phi - thường khiến người ta đem lòng tin-ngưỡng, cũng gọi là ma-lực.

Khi đem quân đi đánh giặc, chỗ ở không nhất định, lấy màn vây làm phủ-thư, thì gọi là *mạc-phủ*. Sách *Sử-ký* có câu : « Thị-tô giai thâu nhập mạc-phủ », thuế chợ đều nộp vào mạc-phủ. Đời sau, những chức kỳ-thất cho quan hành-chính đều gọi là mạc-phủ. Chữ mạc-phủ này cũng có khi viết chữ Mạc không có chữ cân dưới.

Những dân chưa khai-hóa, ở phía đông nước Tàu đời xưa gọi là *di*, ở phía nam gọi là *man*, ở phía tây gọi là *nhung*, ở phía bắc gọi là *địch* Gọi chung những dân chưa khai-hóa là *di-địch* hay *man-di* Chữ *di* này là mọi-rợ, chứ không phải *di* là đỉnh di, như ông Lê-văn Hòe viết trong *Tầm nguyên từ-điển*, ở trang 165. *Sử-ký* chép : « Nam-Việt vương Triệu-Đà thượng Văn-đế thư tự-xưng Man-di đại-trưởng lão-phu thần Đà », bức thư của vua Nam-Việt là Triệu-Đà dâng vua Văn-đế nhà Hán tự-xưng là một người già cả đứng đầu xứ Man-di. Không giữ pháp luật, chỉ cậy sức mạnh, thường gọi là man, thí-dụ như dã-man.

Trên hột thóc có một thứ lông nhỏ, chữ nho gọi là *mang* « cốc thực thượng tế mao viết mang », tiếng ta gọi là đòng-đòng. *Mang-chủng* là lúa đạo, lúa mạch ; hai giống lúa này có đòng-đòng, cho nên gọi là mang-chủng. Theo âm-lịch, tháng năm thì lúa mạch chín, gặt được, lúa đạo mới đem gieo giống cho nên lấy chữ mang-chủng làm tên thời-tiết : mỗi tháng có hai tiết, một năm có 24 tiết. Tiết mang-chủng ở trong mùa hạ. Mùa hạ có sáu tiết : lập-hạ là tiết tháng tư, tiểu-mãn ở trong tháng tư, mang-chủng là tiết tháng năm, hạ-trí ở trong tháng năm, tiểu-thử là tiết tháng sáu, đại-thử ở trong tháng sáu (chép theo *Từ-nguyên*).

Ở chữ mắt xanh « *thanh nhỡn* », quyển *Từ - nguyên* cắt nghĩa như thế này : « con ngươi sắc xanh, xung quanh sắc trắng : lúc mừng trông thẳng, thì thấy chỗ xanh, lúc giận trông nghiêng, thì thấy chỗ trắng. Đời Tấn, Nguyễn - Tịch là người không cậu-nệ lễ-giáo, có thể làm con mắt xanh hoặc con mắt trắng : ra mắt ngoài lễ-tục bằng con mắt trắng ; Kê-Khang mang rượu và đàn đến, Tịch rất đẹp lòng, bèn tiếp bằng con mắt xanh. Ngày nay, quí-trọng người nào gọi là mắt xanh, khinh miệt người nào gọi là mắt trắng » Nguyễn-Tịch có truyện riêng ở *Tấn - thư* (quyển 49, *Liệt-truyện*, tờ 1a 2a), xin trích dịch những đoạn sau này : « Nguyễn-Tịch tên tự là Tự - Tông, người ấp Úy - thị, huyện Trần-lưu. Cha tên là Vũ, làm chức duyện-lại ở dinh thừa-tướng đời Ngụy, giúp việc quan có tiếng đời bấy giờ. Tịch là người dung-mạo khôi-ngôi, chí-khí rộng-rãi... có khi đóng cửa xem sách, hàng tháng không ra, có khi vui chơi sơn-thủy, hàng ngày quên về. Rộng xem các sách, ham học thuyết Trang-tử,

Hãy đọc

VÀNG SAO

Văn xuôi của thi sĩ CHẾ LAN VIÊN

Bìa do họa sĩ Lưu văn Sin trình bày

In toàn trên giấy vergé bouffant giá đặc biệt 2 p. 50

Nhà xuất bản Tân-Việt 49 – Takou Hanoi

Sắp có bán

TRIẾT HỌC KANT

của NGUYỄN - ĐÌNH - THI

Đang in

Triết học NIETZSCHE

«Tủ sách triết học» TÂN-VIỆT

Nhà sách MAI QUANG. 110. G. Guynemer chợ cũ. Saigon nhà sách được nhiều tín nhiệm

Lão-tử, hay uống rượu, thích gẩy đàn, có khi đắc-ý, quên cả hình - hài : người thời bấy giờ phần nhiều gọi là si ngốc... Tịch vốn là người có chí giúp đời, nhưng trong đời Ngụy, Tấn, thiên-hạ loạn-lạc, những người danh-sĩ ít người được toàn, vì thế Tịch không dự việc đời, bèn lấy rượu làm vui... Kịp khi Văn-đế Tào - Phi phụ chánh, Tịch nói với Văn - đế rằng : « Tịch thường chơi đất Đông - bình, thích phong-thổ ấy ». Văn-đế liền cho làm tướng đất Đông-bình Tịnh cuỡi lừa đến quận... pháp lệnh thanh-giản, tuần-nhật trở về. Văn-đế cho làm đại-tướng-quân, tòng-sự trung-lang. Các quan bấy giờ nói chuyện rằng : « Có việc đứa con giết mẹ ». Tịch nói : « Ôi ! giết cha còn được, đến giết mẹ nữa ư ! » Cả những người ngồi đó cho là Tịch thất ngôn. Văn-đế hỏi : « Giết cha là tội ác trong thiên-hạ, mà ông lại cho là được là nghĩa sao ? » Tịch nói : « Cầm-thú chỉ biết có mẹ mà không biết cha ; giết cha là giống cầm-thú, giết mẹ lại không bằng cầm-thú nữa ! » Chúng đều cho là nói phải. Bấy giờ các công khanh khuyên Tào-Phi lên ngôi, sai Tịch làm tờ bố-cáo thần-dân, Tịch say rượu quên không làm ; đến khi các quan tới phủ, hỏi đến văn, thì thấy Tịch dựa vào án sách ngủ say : sứ - giả, đánh thức Tịch dậy, Tịch bèn đọc văn, sai người viết luôn, không thay đổi chữ nào, thế mà lời văn rất là thanh tao mạnh mẽ khiến đời bấy giờ trọng vọng. Tịch tuy là người không câu nệ lễ giáo, nhưng lời nói rất huyền viễn, miệng không khen chê ai bao giờ. Lại là người chí hiếu... Bùi - Khải đến viếng, Tịch xõa tóc, ngồi sồm, đang say nhìn chòng chọc vào Bùi-Khải. Khải làm lễ viếng, xong đi. Có người hỏi Khải rằng : « Đến viếng, thì chủ phải khóc, khách mới làm lễ. Nay Tịch đã không khóc, sao ông lại làm lễ ? » Khải đáp : « Tịch là người ngoài thế-tục, cho nên không chuộng lễ-giáo ; ta là người trong thế-tục, nên phải xử-trí theo nghi-lễ ». Người ta khen là hai bên cùng phải. Tịch lại làm ra thứ mắt xanh và mắt trắng. Ra mắt những người trong lễ-tục, thì Tịch đối bằng mắt trắng. Như khi Kê-Hỷ đến viếng thì Tịch đối bằng mắt trắng, Hỷ không bằng lòng lui về. Em Hỷ là Kê-Khang nghe tiếng, đem rượu và đàn đến, Tịch rất vui lòng, bèn đổi bằng con mắt xanh. Từ đấy những người trong lễ tục, thường ghét Tịch như cừu-thù... Tịch mất mùa đông năm cảnh-nguyên thứ tư (tức là năm 263), thọ 54, tuổi ».

Con nữa

Ứng-hoe NGUYỄN VĂN-TỐ

Một người suốt đời...

Tiếp theo trang 3

Trước khi giới thiệu với các bạn về học thuyết, tư tưởng, tín điều và chủ nghĩa của Mặc tử, tôi hãy xin nêu lên mấy câu ; « Yêu thương » là cốt tủy của đạo Mặc, « hi sinh » là nghĩa cội gốc của đạo ấy. Chính Mặc tử đã gặp Khổng tử ở chỗ « phiếm ái », gặp Jésus Christ ở chỗ «yêu người như mình » và gặp Thích Ca Mâu Ni ở chỗ « xả thân cứu thế ».

Mặc tử, vì ôm ấp lý tưởng cao xa muốn làm lợi thiên hạ, nên trong đời ông, ông đã lấy lời dạy đời, lấy sự thân minh thực hành để dạy đời, muốn cho mọi người sống trong một bầu không khí yêu thương, mong cho đóa hoa « hòa bình » tươi nở trong thế giới hoàng kim tốt đẹp. Như vậy đạo Mặc có gì là đáng kỳ thị mà nhà Nho cần phải bài xích ?

Khi Mặc-tử độ trong ngoài 30 tuổi, ông đã có đồ-đệ là bọn Cầm-hoạt-Ly hơn 300 người. Đủ biết chủ nghĩa của Mặc được người đương thời nhiệt liệt hoan nghênh là thế nào. Ròng - rã suốt đời Chiến-quốc, học thuyết của Mặc lan tràn khắp trong nước Tần đến nỗi Mạnh-tử phải đứng lên hăng hái chống lại để bênh-vực cho đạo Nho vì đại thế bấy giờ người ta không theo Dương, thì tất quay về với Mặc.

Cái cớ sau đó đạo Mặc đến phải suy tàn, một vì nhà Hán (206 tr. T. L. — 263 S. T. L) sau khi diệt Tần, phá Sở, thống nhất bờ cõi, nâng Nho giáo lên địa vị độc tôn, coi đạo Nho như là quốc-giáo ; hai vì, về sau, trong vòng môn-đồ đạo Mặc không có những tay hùng kiệt cự phách biết vệ đạo, biết xương minh đạo lý để đương đầu với giống tố bạo đạo, nên đạo Mặc ngày một lờ mờ, họa chăng, chỉ còn phảng phất ở nơi việc làm của hạng bố cu mẹ đĩ.

Nhưng còn một cớ này nữa, tôi tưởng, lại là một cớ chính : chủ nghĩa của Mặc tử sở dĩ không thọ lâu được, là vì nó đã đi vào con đường duy tâm và không tưởng.

HOA-BẰNG

Thống chế Pétain đã nói :

« Điều kỳ-vọng của bản-chức là đến khi ký bản hòa-ước, thì nước nhà đã thông nhất rồi. Có đủ điều kiện ấy, Đại - Pháp mới mong khôi-khục địa - vị tinh - thần trên thế-giới. Bản chức rất mong các người tuân theo kỷ-luật và phò-tá bản-chức cho được thành công ».

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 37 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

KHOA nhâm-thìn, năm Hồng-đức thứ ba, tức là năm 1472, đời vua Lê Thánh Tôn, có hai mươi-bảy ông đỗ tiến sĩ. Không thấy bia dựng ở Văn miếu chỉ thấy *Đăng khoa lục* và sách chữ nho chép như sau này :

Đỗ đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cập đệ ba ông ;

1. Vũ-Kiệt, người làng Yên-việt, huyện Siêu-loại (xưa là Doanh-lũ), phủ Thuận an (nay là Thuận-thành) tỉnh Bắc-ninh. Thiên-tài mẫn-tiệp. Đỗ trạng-nguyên năm hai-mươi tuổi ; Lại trúng Đông-các, làm quan đến tả thị-lang kiêm Đông các hiệu thư Con cháu đều quí-hiển : một cháu xa là Đăng-Long, di cư đến phường Công-bộ, huyện Quảng-đức, đổi là họ Nguyễn. đỗ đông-tiến-sĩ khoa bính thìn 1676, hiệu Vĩnh-trị năm đầu. đời vua Lê Hy-Tôn, làm quan đến tham-chính được phong tước nam về trí-sĩ, thọ hơn tám mươi (chép theo *Đại-Việt đinh-nguyên phạt-lục* sách viết của Trường Bác-cổ, số A 1205 tờ 13 b 14 a, và *Đang khoa lục* quyển 1, tờ 17 b).

2. — Nguyễn-kim-An (chép theo *Đăng khoa lục*, là sách in, quyển 1 tờ 17 b. ; còn *Đang khoa bị khảo* sách viết của Bác cổ, số A 485 quyển Hải-dương, tờ 12 a, và *Công dư tiệp-ký* sách viết của Bác cổ, số A 1930, tờ 10 b. đều chép là Nguyễn-toàn-An) người xã Thời sử. huyện Đường-an tỉnh Hải dương. Xưa làm tâm binh trực điện đình, gặp buổi chầu đêm trung thu, giăng không được tỏ, vua Lê thánh-tôn ra thơ, đầu bài là « Trung thu vô nguyệt » đêm trung-thu không có giăng. Các quan còn đang nghĩ chưa xong, ông làm xong trước, quì dâng vua xem. Các quan ngồi đây cười nói rằng : « Linh cũng biết làm thơ à ? » Vua truyền cho lấy ra xem, có câu : « Mạc đồ kim-phiên nhân thị nguyệt, lai thu vọng nguyệt, nguyệt di cao » chớ thấy lần này giăng chẳng tỏ, thu sau giăng tỏ lại càng cao Ai xem đều thán phục, đều xin tâu tha về cho đi học, đến năm Nhâm thìn 1472, hai mươi ba tuổi (*Đang khoa lục* chép 22 tuổi) đỗ thi hương, vào đình thí đỗ Bảng nhãn. Cách ít lâu ông gặp tang cha hoặc mẹ Lúc bấy giờ phép tang rất nghiêm : Hễ trong khi có tang mà vợ cả hoặc nàng hầu có thai thì người chồng bị chê là không đúng nhân cách. Ông giữ tang ba năm, không dám gần nữ sắc, đến khi hết tang thì mất, không có con giai. Vua nghe lấy làm thương, từ bấy giờ bỏ lệ cấm vợ có thai trong khi tang chế (chép trong *Công dư tiệp ký*, tờ 10 b). *Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 17b, chép ông làm quan đến Hàn-lâm viện thị thư.

3. — Vương khắc-Thuật, người xã Cối-giang, huyện Đông-ngàn. Làm quan đến tham chính. Năm bính thân 1476, hiệu Hồng-phúc thứ bảy, vâng mệnh đi sứ Tàu « Trước đây vua nhà Minh lập hoàng-tử là Hựu-Đường làm hoàng thái-tử, sai Lễ-bộ lang-trung là Trương-đình-Cương đem sắc thư đến báo cho vua ta biết và cho lụa mùi, lại khuyên vua ta nên giả đất Chiêm-thành. Năm Bính-thân 1476 vua Lê Thánh-tôn sai Bùi-sơn, Vương-khắc-Thuật và Chử-Phong sang Tầu mừng việc lập hoàng thái-tử, Lê-Tiễn và Ông-nghĩa-Đạt tạ về việc cho lụa, Nguyễn-Tế nói về việc bờ cõi nước Chiêm-thành » *Khâm-định Việt-sử*, quyển 23, tờ 3b), Đến năm Mậu-thân 1488, Hồng đức thứ 19, vua Lê Thánh-tôn lại sai ông Vương-khắc-Thuật sang xứ nhà Minh. « Trước kia Chiêm-thành bị phá; dòng-dõi là Cổ-Lai đem cả nhà sang nhà Minh, cáo nạn Vua Hiến-tôn nhà Minh sai quân đưa về nước, lập làm vua, và truyền hịch cáo dụ Đến khi Hiến-tôn lên ngôi, sai sứ sang nước ta bảo về việc lên ngôi và cho lụa mùi (thái-tệ). Đến năm mậu-thân 1488 vua Lê Thánh-Tôn sai Đàm-văn-Lễ, Vương-khắc-Thuật, Phạm miễn-Lân sang mừng về việc lên ngôi. Tống-phúc-Lâm dâng hương Hoàng-đức-Lương tạ về việc cho lụa mùi, Hoàng-bá-Dương đem việc Chiêm-thành xâm nhiễu ngoài biên báo với nhà Minh » *Khâm-định Việt-sử* quyển 24 tờ 6b).

Đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân bảy ông ;

1 — Vũ-ứng-Khang *Đăng khoa bị khảo*, A 485 quyển Hải-dương, tờ 12 a, viết là Vũ-đức-Khang), người xã Mộ-trạch, phủ Đường-an phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương Làm quan đến Hộ-khoa đô-cấp-sự trung (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 17b.

2. — Phạm-phúc-Chiêu, người xã Tứ-hồ, huyện Đông-an, ngụ ở xã Đồng-than, huyện Văn-giang. Làm quan đến Đông-các. Vâng mệnh đi sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 18a).

3 — Nguyễn-Tộ, người xã Đông sơn, huyện Lập-thạch, phủ Tam đái, tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm ba mươi ba tuổi. Làm quan đến Hiến-sát-sứ Ông là anh Nguyễn-Trinh và Nguyễn tự-Phúc : ba anh em đều đỗ, cùng làm quan một triều (*Đăng khoa bị khảo*, A 485, Thu-tập thượng tờ 55a).

4 — Trần-Khải, người xã Chinê, huyện Chương-đức-Đỗ năm 32 tuổi. Làm quan đến Đại-lý tự khanh, được phong tước là Lê-giáo hầu. Sinh ra Trần-Phỉ : cha con làm quan đồng triều, đều trí-sĩ. là ông tổ xa Trần-Phủ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 18a).

5. — Trần-đức-Mậu, người xã Ỷnh-hậu, huyện Thiên-lộc, phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Đỗ năm

xem tiếp trang 19

Phê-bình

« CHÂN TRỜI CŨ »

Tập truyện ngắn của Hồ Dzếnh

KIỀU THANH-QUẾ viết

THỀ-TÀI một tập truyện ngắn, theo thiển ý, có khác với thể-tài một cuốn tiểu-thuyết.

Với một cuốn tiểu-thuyết hai ba trăm trang, người đọc cũng như nhà phê-bình bao giờ cũng chú ý đến ý-tưởng và cốt chuyện nhiều hơn văn tài tác-giả. Miễn tác-giả hành văn không quá ngô-nghê là ai nấy cũng bằng lòng rồi.

Nhưng với một truyện ngắn dù không quá hai ba mươi trang sách, ai ai cũng đủ và dư-dả thời-giờ để ngẫm nghĩ về sự lý-thú của cách kết cấu câu chuyện cả đến cách phô diễn, hành văn của ngòi bút tác giả.

Những tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn* của Thạch-Lam, *Đợi chờ*, *Gióc đường gió bụi* của Khái-Hưng, *Tối tăm*, *Hai buổi chiều vàng* của Nhất-Linh, *Vang bóng một thời*, *Một chuyến đi* của Nguyễn Tuân, *Một đêm vui*, *Cô gái làng Sơn-hạ* của Ngọc Giao, *Linh hồn hay xác thịt*, *Oan nghiệt* của Tchya, chúng tôi đều có những nhận xét trên kia.

Phê bình *Vang bóng một thời*, chúng tôi đã có dịp nhận xét tỉ mỉ về lối chơi văn của Nguyễn-Tuân (1).

Phê bình *Chân trời cũ*, chúng tôi cũng để ý đến « tánh-cách ngòi bút » của tác giả nhiều hơn cốt chuyện tác-giả dàn xếp.

Làm thế, chúng tôi có cái lý của chúng tôi: cốt chuyện tác-giả dàn xếp trong các đoản thiên của mình toàn là chuyện gia đình tác giả — một gia đình Trung-hoa sống ở đất Việt-nam. Các đoản thiện ấy cũng có một màu sắc lạ, một phong vị mới. Những điều dễ làm thắc mắc lòng tôi, tôi tin rằng không phải màu-sắc ấy, phong vị ấy — chỉ là hai lợi-khí để thỏa mãn tánh hiếu kỳ của tôi trong nhất thời thôi.

Điều dễ khiến tôi cảm động, là lòng sầu xứ không thôi cộng với nỗi đau khổ của tác-giả.

Tác-giả bảo: « Mặt trời viễn phương tuy đẹp đẽ, tuy thôi miên, nhưng vẫn không giảm được cái thi vị của căn lầu biếc ánh nến... Tôi đua đòi chạy tìm cái chân trời xa lạ, nhưng mỗi lúc dừng chân, tôi vẫn thích quay về Quê Mẹ. Ở đấy, mới thực rộn và xôi lên cái gì là lòng, là máu, máu và lòng không vay mượn, không chế tạo, thiết thực và đơn sơ ».

Còn đau khổ, tác giả đau khổ vì lòng nhớ quê hương cũng có lẽ Nhưng phần chắc là tác giả đau khổ vì mình vốn « một người tự tạo ra đau khổ để sống, để sung sướng vì thấy mình đau khổ hơn người ».

Quan niệm cuộc đời như thế ấy, thảo nào ngòi bút tác giả chẳng thường nảy những câu buồn tẻ như cuộc đời tác giả:

1) « Tôi là người biết cảm sầu rất sớm, nên người đàn bà lìa quê hương ấy đã là cái đề cho tôi *khóc bằng thơ để làm ố hoen cả một buổi bình minh đáng lẽ rất tươi đẹp* » (*Người chị dâu tôi*).

2) « Hai năm sau khi chị tôi sinh thằng cháu đầu lòng, thì ba tôi mất. Cái vận mệnh nhà tôi thâm lại với những gót chân của ba thằng con mất bố » (*Người chị dâu tôi*).

3) « Tiếng xay lúa ồ ồ nhiều lúc đến tận hai giờ sáng như những nhịp đời thương nhớ âm vọng trong thời khắc và lòng người » — *N. C. D. T.*

4) « Đó là những tiếng khóc lần đầu tiên tôi biết, tiếng khóc sau này, khi tắt đi, còn *vẳng lại một điều thở giài chua xót trên ngày tháng bơ vơ của tôi.* » — *Con ngựa trắng của bà tôi.*

5) « Một tình thương mất đi vừa khơi lũng xuống tháng ngày tôi sống » — *C. N. T. C. B T.*

6) « Tôi là một đứa bé đầy nước mắt, và cái thân bình gầy gò được dễ-dàng *uốn xuống trên sự hèn yếu*, do đấy, tôi thành ra tôi ngày nay » C. N, T. C. B. T.

Văn chương Hồ Dzếnh trong những câu vừa trích trên đây có những nhịp uyển-chuyển và buồn lạ như một khúc nhạc lâm-ly ai-oán. Những khúc nhạc đều đều ấy, được để chữ nghiêng cho độc giả dễ nhận, thường gặp những âm thanh rền lên gợi được bao nhiêu vang bóng trong làng độc giả.

Các âm thanh ấy là những động từ mà chúng tôi để chữ sậm.

Ngòi bút Hồ Dzếnh đã có được lắm đặc tánh khả quan trong khi phô-diễn. Nó nên tỏ ra có sức mạnh trong những tiểu thuyết dày dặn, thì tên tuổi của người Minh-hương ấy — Hồ Dzếnh là người Minh hương, — văn học quốc ngữ không nề hà gì mà chẳng đón tiếp như đã đón tiếp bao nhiêu nhà văn Việt-nam hữu tài. KIỀU THANH-QUẾ

Du-ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 7

NHẬT-NHAM

E — Người Mán Tiền

a) *Cách ở :* Nhà hay làm trên sườn núi phẳng, thích ở gần nước, chứ không ở cao như Mán Cóc. Nhà cũng làm như kiểu nhà Mán Cóc, song kho thóc và chuồng lợn, chuồng gà làm riêng khỏi hè nhà, không để gần nhà như Mán Cóc.

b) *Cách ăn :* Cũng giống như Mán Cóc.

c) *Cách mặc* : Đàn bà mặc áo đen, hoa trắng, nhưng không thêu như Mán Cóc. Trước hết, cắt vải trắng may thành áo, đun sáp ong chảy ra, rồi chấm thành hoa vào áo : hai bên vai và tay áo, sau lưng, hai bên bả vai. (Áo không có vạt cái như Mán Cóc) ; đằng trước, hai bên ngực, từ cổ đến thắt lưng và bốn góc vạt áo. Chấm xong rồi, đem áo nhuộm chàm cho đen kỹ, chỗ sáp chấm, chàm không ăn tới. Nhuộm xong, cho áo vào nồi nấu để sáp chảy ra, chỗ có sáp trước, thành hoa trắng Hai bên ngực, từ cổ xuống đến thắt lưng, mỗi bên đính 5 hay 6 miếng bạc hình bán nguyệt to bằng nửa đồng bạc đồng, có chạm hoa. Đằng sau gáy áo, khâu một sợi vải để đeo mấy đồng tiền trinh.

Yếm cũng có hoa trắng, ở giữa yếm, có một miếng bạc tròn lồi cao lên, to bằng đồng bạc, trơn, không chạm hoa. Thứ Mán này mặc yếm có nửa mình, bỏ hở ngực.

Đàn-bà Mán Tiền mặc váy chứ không mặc quần. Gấu váy cũng có hoa chung-quanh. Váy ngắn dưới đầu gối một ít.

Khăn làm bằng 3 vuông vải trắng thêu hoa bằng chỉ thâm. Đầu gắn sáp, bới tóc quấn cái khăn ấy.

Đàn-ông mặc quần áo dài như người thổ : chít khăn thâm, quần đen, mỗi ống quần in 4 cánh hoa trắng.

d) *Cách cầy cấy* như Mán cóc. Mán cóc hay hút thuốc lá Mán tiền thích ăn giầu.

***

Ngoài những tục-lệ cưới cheo ma chay, có phong tục đình đám hội hè là đáng kể.

Mỗi khi xuân đến, màu tươi tràn ngập rừng xanh. Những trái tim chất phác sau lớp áo chàm cũng tưng-bừng rạo-rực theo dịp đàn xuân ngọt-ngào êm-dịu.

Trong vòng từ mồng 3 đến 20 tháng giêng, làng trước, làng sau, định ngày hội « lùng-tùng », mỗi nhà một con gà, cỗ xôi, be rượu và một cỗ chay có các thứ như bánh mật, chè lam, bánh bỏng, bánh oao, bánh rán. Ai có thứ gì thì đem ra bày thứ nấy. Mỗi cỗ lại có một quả cầu (khâu bằng 4 miếng vải xanh, đỏ, thành một cái túi trong đựng cát, buộc một sợi giây dài ước 50 phân tây), Làng nào có đình rộng thì đem ra đình. Nếu đình hẹp hay miếu nhỏ thì đem cỗ ra bày trên một cánh đồng. Cả dân làng kéo nhau ra làm lễ tại đó. Giữa đồng bày một cây mai, gọi là « cây cồn ». Trên ngọn mai buộc một chiếc mặt nguyệt bung bằng giấy : đó là cái đích để trai lành gái tốt đua nhau ném cầu. Làm lễ xong, trai gái lấy những quả cầu đem ra ném : ai ném trúng mặt nguyệt trên ngọn cây mai mà thủng thì được thưởng 1 p00 Khi đã ném thủng cây cồn thì tan hội. Dân làng hạ cỗ xuống cùng nhau ăn uống cho đến no say.

Gia-đệ nói đến đây tôi cho là đã đủ để quan-sát trong vùng, nên tạm dừng cuộc nói truyện để đi ăn cơm trưa.

Sau một ngày nghỉ-ngơi, ngay chiều hôm ấy, thấy trong mình khoan khoái, tinh-thần sảng-khái, chúng tôi không muốn ngồi nhàn bèn rủ nhau xuống thăm Chợ Điền. Tất cả Chợ điền đều thuộc quyền sở hữu của công-ty mỏ kẽm, hai phần địa-thế là khu-vũ dành riêng cho Công-ty dựng các nhà máy, các sở và các nhà ở cho nhân-viên của mỏ ; còn một phần ba địa-thế cho Hoa-kiều và Việt-kiều làm nhà ở nhờ để buôn-bán. Trong khu này có một ngôi chợ to, rộng, quán lợp ngói ; còn các nhà Khách và ta đều làm bằng nứa và lợp lá. Hỏi ra mới biết : vì đất ở nhờ mỏ nên không ai dám xây nhà ngói sợ sau mỏ cần đến đất, đòi lại không có khỏi sự thiệt hại. Về phần người Hoa-Kiều, có Bang-trưởng đại-biểu, còn người mình thì có Trưởng-phố trông nom.

Ngoài các nhà của Công ty mỏ kẽm làm cho các nhân-viên Tây Nam cư-trú, Công-ty có nhà ga

xe hỏa, có xưởng đóng thuyền bọc sắt, có nhà cưa gỗ để đóng thuyền (dùng tải kẽm ở bến Đầm hồng), có lò rang để rang quặng kẽm, có kho chứa vật - liệu, có cantine bán gạo và các thực-phẩm cho người làm công của mỏ, có nhà thuốc do một viên bác - sĩ kiểm-đốc và các viên khán - hộ ăn lương của mỏ trông nom. Chính-phủ bảo hộ chịu các phí khoản về nhà bưu-điện và trường tiểu-học là hai công - sở của nhà nước ở trong địa-phận mỏ.

Vì địa thế giữa miền rừng núi, nên phần nhiều nhà xây trên đỉnh núi hoặc lưng chừng đồi, xếp thành từng hàng từ trên cao xuống ; dưới đồng - bằng nhiều đường xe lửa quanh co, ngang dọc, chạy qua các cầu sắt bắc ngang trên suối. Phong - cảnh trông thực hữu - tình. Tôi nhân ngâm mấy câu trong bài *Hương-sơn phong-cảnh ca* của cụ Vũ-Phạm-Hàm :

« *Thủnh-thơi bạch thạch, thanh tuyền,*
« *Thế mới biết thiên tiên là diệu thú.*
« *Thơ rằng : Bộc bố khê lưu, sơn diệu vũ ;*
« *Nhân thanh cốc ứng, thạch năng ngôn.*
« *Trông lên, trời nhỏ con con,*
« *Mình ta đã lon chon trên đỉnh núi . . .* »

Bàn tay Tạo - hóa đã khéo an-bài, nên cảnh trí u-nhã ! Bàn tay người đời cũng không kém phần xảo-diệu để tô-điểm cho non sông

Sáng hôm sau chúng tôi lên vãn cảnh miền Plateau (cao-nguyên). Miền này ở trên cao, cách Chợ-Điền 7 cây số, là nơi Công-ty khai mỏ kẽm, lại là nơi khí-hậu mát mẻ của nhân - viên mỏ dưỡng-nhàn.

Ba anh em, ba ngựa thong dong leo dốc. Đường giải đá, ô-tô đi được. Cách hai cây số là đền Phú-quý thờ đức-mẫu Thượng-ngàn, bên cạnh có một cái miếu con thờ cặp nhân - tình xưa đã từng làm công cho mỏ. Nguyên hai bên đã chỉ non thề biển, xong vì gia-cảnh không lấy được nhau bèn rủ nhau lên đó, ôm nhau, đốt cốt-mìn tự sát, thế mà cũng được dân mỏ « sùng bái hương hoả ». Đi được ba cây số người ngựa phải chui qua hang (tunnel) đục giữa núi đá, để đường đi xuyên sang bên kia núi. Đến nửa đường là Nặm - Vạn (La Pointe) có mỏ kẽm, có xưởng máy để trông nom việc khai mỏ.

Ngựa leo dốc đến cây số bảy, đã vào địa-phận Plateau. Chúng tôi xuống ngựa, tạm dừng tại nhà ông khán-hộ Plateau ở cạnh nhà thương của mỏ. Nghỉ một lúc, chúng tôi đi bộ lên thăm các từng mỏ. Trên cùng, hiện ra một cảnh - tượng rất đẹp. Sau khi những lớp quặng bao bọc núi đá đã khai thác, trên một khoảng đất bằng phẳng, còn trơ lại nhiều ngọn núi đá nhấp nhô như các núi đá trong vịnh Hạ - long. Vì vậy người Pháp đặt tên nơi này là « Baie d'Along terrestre » (Vịnh Hạ-long trên cạn) mà dân vùng này gọi các núi ấy là « Phya Khao » (núi bạc), vì đêm đến có ánh bạc từ núi phát ra.

Trên từng này, có đặt đường xe-hỏa để chở quặng Chúng tôi lần lượt xuống xem hết các từng. Từng nào cũng có đặt đường sắt, có khi chạy qua các tunnels, giài từ 500 đến 800m, có khi chạy trên các cầu nối núi này sang núi khác, trông xuống dưới sâu rất nguy hiểm. Mỏ hoặc khai lộ-thiên, hoặc khai trong các hầm tối. Mỗi lần đốt cốt - mìn cho quặng rời ra, lại phải bá-cáo cho phu thợ ẩn nấp một nơi. Khai xong, quặng cho vào toa, tới phu đẩy toa trên đường sắt, đem đổ xuống nhà câble làm ngay dưới từng cùng Nhà câble nhận quặng trên các từng đổ xuống, cho quặng vào toa, toa có bánh xe mắc trên các giây sắt, cứ từ từ chạy theo giây xuống mãi Chợ-điền, để đổ quặng vào lò rang. Đứng trên nhà câble, có thể trông rõ phong-cảnh Chợ - điền. Sự vận - tải trên không bằng giây, giảm biết bao nhân-công và đỡ rất nhiều thì-giờ. Những cột giây đều xây trên các mỏm núi đá cao, không phải là không công-phu. Đứng trông các toa quặng chạy giây từ Plateau xuống đến Chợ-điền, ta phải phục sự tiến-bộ của khoa - học tây - phương đến bực nào !

Cách Plateau 4 cây số có núi Tam-tỉnh là nơi đại-thắng cảnh vùng này có mỏ Pinh-trai Bành-trạch và mỏ Sơn-thịnh cũng do Công-ty Chợ-điền khai-phá. Tại mỏ Sơn-thịnh, còn nhiều hố có hài-cốt, tục truyền là di - tích người Tàu xưa đã từng tới miền này khai mỏ bạc. Người Pháp gọi những hố ấy là « Trous chinois » Hố Tàu.

Sau khi đã quan - sát các nơi trong mỏ, chúng tôi đi xuyên qua một cái tunnel dài 800 thước tây, trong có đường sắt, trên có nước rỏ xuống, rất ướt - át, lầy-lội, khó đi, vì không mang đèn đi phòng-bị, nên phải dò bước trong đen tối, rồi về qua chỗ phu thợ ở cùng gia-quyến, qua trường tiểu-học, qua nhà kho chứa vật-liệu, gạo và thực - phẩm để bán cho người làm mỏ.

Trên Plateau, nhờ có khí-hậu mát-mẻ, nên thợ và phu cũng ít ốm đau.

Từ Pinh-trai ra đến Đầm-hồng đều là công-trình khai-thác của

xem tiếp trang 16

Thời-đàm

ĐẢO ÁI NHĨ - LAN (IRLANDE)

NHẬT-NHAM

ÁI NHĨ - LAN là một cù - lao thuộc phạm-vi đảo - quốc Anh-cát-lợi.

Đất xấu, ẩm thấp, có nhiều hồ, nhiều đầm-trạch, đảo Ái - nhĩ-lan là một miền đồng-nội để chăn nuôi súc vật. Quyền sở-hữu ruộng đất đều thuộc các điền-chủ người Anh, nên dân Ái nhĩ - lan không chú-trọng đến sự giồng-giọt trên các khu-vũ không phải của mình, do thế mà nghề nông kém phần phát-đạt. Một thứ nông - sản được khuyếch - trương hơn cả : ấy là khoai tây.

Xứ Ái - nhĩ-lan không có than đá, nên công-nghệ không phát-triển được. Trong toàn cõi, chỉ có nghề dệt gai, vì gai là một thứ cây hợp với đất ướt.

Các thành phố nhớn đều tọa-lạc trên miền duyên-hải phía đông ; Dublin (403.000 dân), Belfast, Cork, và về phía tây : Limerick.

Dân-cư thưa thớt, mỗi ngày một giảm. Năm 1840, xứ Ái-nhĩ - lan có 8 triệu người tăng một cách rất chóng. Nhưng sau vài năm đói kém, nhất là vào năm 1846 mất mùa khoai tây, có hàng triệu người chết đói. Vì vậy nhiều dân Ái-nhĩ - lan dời xứ-sở di-cư sang Mỹ-châu. Trong vòng 10 năm, Ái - nhĩ-lan giảm mất 2 triệu dân. Từ đó, số dân di-cư ra ngoài không nhiều như trước ; song việc di-dân không hề đình-trệ. Hiện nay, xứ Ái - nhĩ-lan còn 4 triệu người tức là một nửa số dân năm 1841.

Dân Ái di-cư sang Mỹ không giữ quốc-tịch, bỏ tiếng mẹ đẻ và dùng tiếng Anh. Phần đông đều gửi tiền về nước nhà giúp những cuộc cách-mệnh chống lại nước Anh,

Từ đầu trung-cổ thời-đại, xứ Ái-nhĩ - lan đã từng là nơi chung đúc tất cả tinh-hoa và tôn - giáo Âu-châu. Đến thế-kỷ thứ 12, Ái - nhĩ - lan thuộc quyền đô-hộ Anh-cát-lợi. Giữa hồi cách-mệnh nước Anh, dân Ái thuộc phái Gia-tô, nổi loạn bị tiễn - trừ một cách tàn-nhẫn, Đảng phiến-loạn bị tịch-biên gia-sản, an - trí tại Connanght là một nơi bạc-địa trên đảo Ái-nhĩ - lan, để cầy cấy cho các điền - chủ người Anh.

Tiếp đến cuộc tàn - sát về tôn-giáo! Dân Ái theo đạo Gia-tô gốc không được giữ một chức-vụ gì của chính-phủ hay mua đất ruộng, ngoài ra họ còn phải nộp thuế cho phái Gia-giáo cải-lương.

Giữa lúc nổi lên phong - trào cách-mệnh tại Pháp (1793-1798), trên đảo Ái-nhĩ - lan lại có nhiều cuộc biến-động, khiến người Anh phải bỏ Hội-nghị Ái-nhĩ - lan và từ năm 1800 trở đi, các đại-biểu Ái đều tới dự Quốc-hội tại Luân-đôn,

Sau các cuộc biến-động, Chính-phủ Anh có ba vấn-đề cần giải-quyết.

1· Vấn-đề tôn-giáo : giải-phóng các giáo-đồ đạo Gia-tô gốc ;

2· Vấn-đề ruộng đất ; hoàn lại ruộng đất cho nông-dân Ái - nhĩ-lan ;

3· Vấn-đề chính-trị : cho Ái - nhĩ-lan tự-trị.

1· Vấn-đề tôn-giáo

Vấn-đề này được giải-quyết đầu liên : Không những vấn-đề này có ảnh - hưởng rtêng cho xứ Ái-nhĩ lan, mà còn liên-can đến dân Gia-tô gốc nước Anh. Tại Anh cũng có nhiều người theo đạo Gia-tô gốc, mà luật-lệ định từ thế-kỷ thứ 17 cấm không cho họ được tham-dự đến các công-vụ.

Một vị trạng - sư người Ái là O'Connell có tài hùng-biện, đứng đầu phong-trào, yêu-cầu Chính-phủ hủy các điều-luật ấy, được phái bảo-hoàng ủng-hộ. Một vị thượng-thư phái bảo-hoàng Robert Peel cho đầu phiếu bản dự-án giải-phóng, không phân-biệt giáo-đồ Gia-tô gốc và Gia-tô cải-lượng.

2· Vấn-đề ruộng đất

Vấn-đề này khó giải-quyết hơn vấn-đề trên, có nhiều cuộc tranh tụng và một cuộc biến-động kéo dài mãi đến hết thế-kỷ thứ 19.

Nông - dân Ái-nhĩ-lan chịu nhiều điều cực-khổ hơn hết các dân-tộc sống trên đất Âu-châu. Mùa đông cũng như mùa hạ, họ đều mặc quần áo vải xấu và nuôi thân bằng khoai tây, bắp cải. Năm nào mất mùa, ấy là năm đó đói kém khổ sở : Năm 1846, 50 vạn dân Ái bị chết đói. Thế mà mỗi khi chậm trả thuế lợi - tức cho điền - chủ người Anh, là họ bị trục - xuất không được lĩnh - canh nữa. Có năm, cộng tới 5 vạn nông-dân Tô bị trục-xuất.

Nông-dân khổ-sở cùng-cực, đến nổi phạm vào nhiều trọng-tội như cướp tài-sản của điền-chủ, bắt súc vật, đốt hoa-mầu và nhà cửa. Một hội-kín có thế-lực thành-lập và tổ-chức một cuộc phiến-loạn khắp các miền. Năm 1867, nhiều nơi nổi loạn, song chẳng bao lâu bình-phục được ngay. Dân Ái bị câu-giam có hàng vạn người, mà số bị kết án tử-hình cũng không phải là ít.

Tuy vậy, nhiều chính-khách Anh cải-tổ chính-thể để an-ủi dân Ái. Ông Gladstone cho đầu phiếu sắc-lệnh bãi các thứ thuế giáo-đồ Gia-tô gốc phải nộp cho phái Gia-tô cải - lương (1807), và sắc - lệnh buộc điền-chủ, một khi trục - xuất tá-điền, phải bồi-thường cho tá-điền một số tiền sứng với công mở-mang ruộng đất (1870).

3·) Vấn đề tự - trị

Đạo luật về điền địa thi - hành không được chu-đáo, vả không đủ làm hài lòng dân Ái, vì họ chỉ yêu-cầu được sở-quyền ruộng đất của họ. Dân chúng vẫn nổi loạn, mà các đại biểu Ái cũng bắt đầu đòi quyền tự trị cho xứ Ái nhĩ-lan với một hội nghị quốc-gia riêng.

Toàn-thể người Anh, dù phái bảo thủ hay phái tự-do, đều phản-đối cho Ái nhĩ-lan tự-trị.

Năm 1875, Parnell được cử đứng đầu các đại biểu Ái-nhĩ-lan, bèn nghĩ ra phương-pháp ngăn trở cuộc tiến hành của hội-nghị quốc - gia Anh : với một vấn-đề rất thường, các đại-biểu Ái tranh biện đến cùng để kéo giài cuộc tranh-luận. Trong một kỳ hội đồng (1879), Parnell cùng hai vạn đồng-viện Ái-nhĩ-lan lên tiếng 11 lần, khiến cuộc tranh luận phải đến 41 giờ đồng-hồ mới xong. Nhưng chiến-lược ấy chỉ công-hiệu trong ít lâu cho tới khi một đạo-luật do hội-nghị ban-hành cấm kéo dài các cuộc tranh - luận. Parnell lại dùng một chính - sách khác : đứng riêng phái, phái bảo-thủ hay phái tự-do không đủ chiếm đa số trong hội-nghị. Parnell cùng bạn đồng-viên Ái-nhĩ-lan khi thì ủng hộ phái này, khi thì ủng-hộ phái khac, lần lượt khuynh-đảo các bộ thượng-thư bảo-thủ và tự-do.

Cai phương-pháp của Parnell làm cho các bộ phải giảm thế - lực. Gladstone, năm 1886, được cử làm Thủ - tướng, bèn nhất - định giải-quyết xong vấn đề Ái-nhĩ-lan. Hai dự án đem ra bàn luận : một bản tổ-chức việc tự-trị, một bản nói về việc Chính-phủ chuộc lại điền-địa của các điền-chủ Anh, trả lại cho nông-dân Ái và cho họ được phép góp dần một số tiền bằng năm hoàn lại cho nhà nước.

Dự án về việc tự trị làm phân rẽ đảng tự-do : một nhóm trong đảng này đứng đầu là Chamberlain, hợp tác với phái bảo-thủ để bênh - vực việc sáp nhập Ái-nhĩ-lan vào Anh cát lợi. Sự đoàn kết ấy khuynh đảo địa-vị Gladstone. Nhưng Gladstone vẫn đồng ý với Parnell để theo đuổi việc cho Ái-nhĩ-lan tự-trị, được đa số phai tự do tán thành.

Năm 1892 Gladstone lại khôi phục được chức Thượng thư, bèn đem vấn đề Ái-nhĩ-lan tự trị ra bàn tại Hội nghị quốc gia ; nhưng dự án ấy bị toàn thể hội nghị bác đi. Vì tuổi đã già, chán nản việc chính trị, Gladstone, sau cuộc thất-bại này, từ-biệt ghế thượng-thư về an - nhàn nơi cố - lý (1894 Parnell cũng mất năm 1891. Thế là đảng Ái-nhĩ-lan mất hai vị đảng-trưởng có thế-lực, nên cũng giảm hết lực lượng.

Phái hợp nhất Ái-nhĩ-lan với Anh cát lợi từ đó nằm hết chính quyền trong vòng 11 năm (1894-1905) vấn đề Ái-nhĩ-lan tự - trị không được ai để ý đến nữa. Năm 1803, hội nghị bỏ phiếu ưng - chuẩn việc chuộc điền-địa theo như dự-án trước của Gladstone. Thế là vấn đề điền-địa xuống hàng thứ nhì, nhường chỗ cho vấn-đề tự-trị cần phải giải-quyết trước.

Vấn-đề tự-trị thật khó giải-quyết. Đến năm 1905, vấn-đề ấy lại được đem ra bàn, sau khi phái « hợp nhất Ái, Anh» bị thất-bại trong cuộc bầu cử, nhường cho một phái gồm có đảng tự-do lao-động và đảng Ái-nhĩ-lan giữ phần thắng lợi. Asquith thượng - thư phái tự-do, lại tranh-luận về việc cho Ái-nhĩ-lan tự-trị. Có nhiều phai phản-đối, nhất là đảng tín-đồ Gia-tô cải-lương vùng Ulster lại càng phản-đối kịch-liệt. Những tín-đồ Gia-tô cải-lương quê tại Anh chiếm đa-số trong miền Ulster xứ Ái-nhĩ -lan ; họ công - bố dù sao cũng không chịu thuộc quyền một chính phủ Gia-tô của Ái-nhĩ-lan. Họ lại quyết dùng đến võ- lực để phản-đối việc cho Ái-nhĩ-lan tự-trị, sau khi Hội-nghị quốc-gia đầu phiếu cho Ái-nhĩ-lan tự - trị vào năm 1912.

Năm 1914, đảng tín-đồ Gia-tô cải-lương và đảng ái - quốc Ái-nhĩ-lan, họp thành những đoàn linh tình-nguyện để sắp khởi sự. Nếu không xảy cuộc Âu-chiến, thì ngọn lửa nội-biến đã bùng trên đất Ái-nhĩ-lan.

Phải đem toàn - lực để đối - phó với thời-cục, chính-phủ Anh chưa kịp cho thi-hành việc. tự - trị Ái-nhĩ-lan. Sự đình-chỉ ấy, làm cho dân-chúng Ái nổi lòng công-phẫn. Những đảng cách-mệnh đều muốn lợi-dụng tình - thế, dùng hết các phương-pháp để kéo Ái-nhĩ lan ra ngoài phạm - vi Đế quốc Anh. Năm 1916, họ gây cuộc phiến-loạn, nhưng bị hàng - phục ngay. Tuy vậy, cũng không đủ làm tắt cái nguyện-vọng tự-trị của người Ái. Các đảng độc-lập Ái-nhĩ-lan hợp nhất thành một phần tử rất to, lập riêng Chính-phủ độc lập, tổ-chức hội-nghị, tòa án, binh bị, cạnh các nhà cầm quyền Anh. Thành ra một phần to Ái-nhĩ-lan thoát-ly đô-hộ Anh-cát-lợi.

Chính-phủ Anh định phá - hủy cuộc âm-mưu tổ-chức ấy bằng võ-lực. Không giao-chiến, người Ái phản-kháng bằng nghị - lực, bằng những vụ ám-sát, bằng cách đánh du kích. Sau ba năm lưu - huyết, không kết-quả, Thủ - Tướng Lloyd George nhất định giảng - hòa với Chính - phủ độc-lập Ái - nhĩ - lan. Theo hòa-ước ký ngày 6 Décembre 1921, Ái-nhĩ-lan được hoàn - toàn tự-trị như các thuộc - quốc tự - trị của Anh. Ái-nhĩ-lan tuy vẫn là một phần-tử Đế-quốc Anh, nhưng từ đấy thành một nước Ái - nhĩ

Xem tiếp trang 14

Sử học luận-đàn

Một nghi điểm về lịch-sử

ĐÃ ĐƯỢC BIỆN MINH

LONG-ĐIỀN

Trong mục « Sử-học luận đàn » ở tạp chí Tri-Tân số 56 có đăng « Một bức thư Huế » của ông Dương-Ky đã chỉ rõ cái lầm của tôi trong bài *Mười chuyện phi thường trong đời vua Gia long* đăng ở Tri-Tân số 50, nói về năm quí-mão (1783) chúa Nguyễn Ánh bị vây ở đảo Côn-lôn, nhờ trận bão chạy thoát được ra đảo Cồ-cốt, rồi mới lại về Phú-quốc.

Tôi xin thành thực cảm tạ ông Dương-Ky đã để ý cải chính cho chỗ lầm đó. Riêng về phần tôi, xin thú thật :

1· Đã sơ suất không thẩm sát kỹ các tài liệu khi soạn bài «Mười chuyện phi thường... » ;

2· Khi soạn bài « Mười chuyện phi thường », tôi chuyên chú về đầu đề, mà không để ý kỹ đến những địa điểm (point géographique) các đảo ;

3· Vì không đủ tài-liệu để khảo cứu.

Thực đến nay, tôi chưa thấy một quyển địa-dư hay một bản đồ (carte) nào chua rõ những địa danh bằng ba thứ chữ hán, việt và pháp để tiện đối chiếu, Trong nước ta, các địa danh thường có ba thứ tên: tên hán, tên nôm và tên pháp. Những sử sách ghi chép bằng chữ hán, ghi tên hán, khẩu truyền trong dân gian gọi tên nôm, lại các sách của người Pháp soạn, gọi tên pháp, đến cả bản đồ của người Pháp làm cũng chua tên pháp. Thành thử lầm khi muốn tra cứu một địa danh, thật rất là phức tạp, mà có khi hóa ra lầm lẫn.

Thí dụ : sông Lật trong Nam-kỳ gọi là Lứt tức là sông Bến-lức mà trong địa đồ thì là Vaico oriental.

Sông Đăng tên thật là Rạch-Chanh ở về hữu ngạn Vaico occidental gần Tân-an. (Xem trong chuyện « Cá sấu đỡ trâu » ở bài *Mười chuyện phi thường đời vua Gia-long*, Tri-Tân số 50).

Thạch Tân : tên nôm là Bến-Đá nay thuộc về Bình-định, xem chuyện « Con nai » ở bài *Mười chuyện phi thường*, Tri Tân số 50 (theo ông bạn Thọ-Xuân). Như hai chữ «Cồ-cốt » chua ở các sách chữ hán và chữ quốc ngữ, đem lấy bản đồ hiện nay mà tìm, thì tuyệt nhiên không có ; như vậy, làm sao biết được vị trí cù-lao đó, để mà thẩm sát tài-liệu !

Chính tôi, cũng đã có tìm ở các bản đồ hai chữ Cồ-cốt nhưng thực không thấy, đành tự an ủi nghĩ rằng cù-lao nhỏ quá, nên các bản đồ ở các sách tôi tìm không chua chăng ? Chứ thực không biết Cồ-cốt là Koh-kút. Đến mãi nay, được lời chỉ giáo của ông Dương-Ky, tôi mới rõ vị-trí cù-lao Cồ-cốt.

Khảo-cứu về lịch-sử là một việc rất khó. Nói những chuyện xảy ra thời nay, trong tuần nhật mà sự truyền lại còn sai lầm, phương chi một việc cũ đã hơn 150 năm, ngoài sử sách, bi ký ghi chép và khẩu truyền thuật lại, thì còn lấy gì làm tiêu chuẩn để rõ sự thực ?

Tôi soạn bài *Mười chuyện phi thường* cũng phải theo định-luật ấy, nghĩa là cũng phải căn cứ vào các sử liệu như trên mà đã phải chọn lọc một cách kỹ càng những sử sách đứng đắn, chỉ duy sơ suất một điều là không phán đoán cẩn thận những tài liệu đó để đến nỗi thành lầm.

Từ xưa đến nay, trước tôi, có nhiều soạn giả viết sách hán và quốc âm đã nhận lầm chỗ đó như : 1 *Quốc triều chánh biên toát yếu,*

In xong lần thứ hai

CENT RÉDACTIONS AU CERTIFICAT D'ÉTUDES

hai giáo sư TRẦN HUY-CƠ và NGUYỄN HUY-HOÀNG soạn

Giá : 0 p. 85. Cước thường 0 p. 20. Cước đảm bảo 0p32

Thư và mandat để cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195, phố Hàng Bông — Hanoi

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Các hiệu sách và các ông giáo gửi mua, có trừ hồa hồng

trang 12 ; 2 *Việt - nam sử lược* Trần Trọng-Kim, trang 94 ; 3 *Việt nam Tây thuộc sử*, trang 47. Duy có ông Đỗ Đình-Nghiêm có soạn một bài diễn-thuyết « Một đoạn lịch - sử nước nhà — đức Cao-Hoàng và ông Giám-mục Bá Đa Lộc — diễn ở hội Trí-tri Hà-nội ngày 18 Janvier 1924 (xem Nam-phong quyển số 14, trang 18), may ông không lấy tài-liệu ở các sách chữ hán và chữ quốc-âm, mà chắc ông lấy tài-liệu ở *Histoire moderne du Pays d'Annam* (1592-1820) của ông Charles B - Maybon, nên ông không lầm.

Tại sao tôi dám phỏng đoán ông Đỗ Đình-Nghiêm đã lấy tài-liệu ở sách ông Maybon ? Là vì tôi thấy ông chỉ nói qua rằng chúa Nguyễn Ánh chạy đến Koh-rong, không chua thêm gì cả, chứ nếu ông tra-cứu cả sách chữ hán và sách quốc âm thì tất ông phải băn khoăn nghĩ ngợi về bốn chữ Côn-lôn và Koh-rong.

Đến các sách chữ tây biên về việc đó thì không có quyển nào nói rõ ràng minh-bạch, phán đoán xác đáng bằng quyển *Histoire moderne du pays d'Annam* của ông Maybon, (trang 201-202).

Xét các tài liệu : ở các sách, phần nhiều sách chữ hán và quốc âm nói chúa Nguyễn ở Phú-quốc chạy ra Côn-lôn rồi bị vây ở đó ; lại khẩu truyền ở Côn-lôn có một hòn núi « Chúa », tương-truyền chúa Nguyễn-Ánh đóng binh ở đấy. Duy sách của ông Maybon bác thuyết đó, cho là xa quá, mà lập luận là chúa Nguyễn-Ánh đã chạy lên cù-lao Cao-Mán (Koh-rong). Vậy trước những sử-liệu trên đây, chúng ta phải căn-cứ vào tình thế và địa-dư mới biện minh được nghi điểm ấy.

Điều thứ nhất về tình thế, nói chúa Nguyễn - Ánh chạy từ đảo Phú-quốc đến đảo Côn - lôn. Đảo Côn-lôn ở về hải - phận của Tây-sơn. Chúa Nguyễn có chạy, tất phải chạy xa đất của phe địch, chứ không lẽ lại chạy vào hải-phận của Tây-sơn : đó là một điều rõ-rệt rằng chúa Nguyễn-Ánh không thể chạy đến đảo Côn-lôn được.

Điều thứ hai về địa điểm. Đảo Côn-lôn ở phía đông Nam - kỳ, đảo Phú-quốc về phía tây, cách xa nhau nhiều, chúa Nguyễn-Ánh không thể chạy thấu được ; đó lại là một điều rõ rệt nữa rằng chúa Nguyễn không thể chạy đến Côn-lôn.

Cứ về tình thế và địa điểm thì tỏ rõ là chúa Nguyễn Ánh khi ấy bị quân Tây sơn đánh đuổi ở đảo Phú quốc, ngài chạy ngược lên phía tây tới đảo Cao mán (Koh-rong). Ở đấy quân Tây-sơn lại đến vây đánh, nhờ trận bão, ngài lại chạy thoát ngược lên nữa, tức là đảo Cồ-cốt (Koh Kut) đến sau yên mới lại về đảo Phú-quốc.

Nhân được ông Dương-ky chỉ bảo chỗ lầm cho, tôi xét thấy một số soạn-giả nước nhà tỏ ra không cẩn thận về sự phân tách và phán đoán các tài liệu về lịch-sử ; xem ngay như việc trên đây thì đủ biết. Người Pháp cũng căn sử vào các tài-liệu của ta ghi chép, nhưng lấy khoa học phân tách và phán đoán các sử liệu, nên ít khi đến nỗi lầm lẫn.

Vậy ước mong các bạn đọc mỗi khi thấy chỗ nào lầm, bảo cho để sửa chữa thì thật là may lắm.

Trước khi dừng bút, xin thành thực cảm tạ ông Dương ky và ước mong sau này ông sẽ biện minh cho nhiều nghi điểm trong lịch sử nữa thì thật là ích cho sử học nước nhà lắm vậy.

LONG-ĐIỀN

Về thể lệ thi tiểu-thuyết lịch-sử do Tri-Tân tổ-chức, như đã tuyên bố ở số 48 trang 15, chúng tôi có thay đổi một vài chi-tiết. Xin các bạn đón coi số sau sẽ rõ. *T. T.*

Giăng thu

Mặt đất trắng mờ, cây dát bạc ;
Bầu giời xanh đục, gió pha sương.
Hằng Nga lơ lẳng phô minh ngọc
Trong tấm màn tơ trắng mịn-màng.

CÁCH-CHI

Đêm sang... êm nhẹ

Nghiêng nghiêng chiều lặng nhạt ven rèm...
Gió ngọt ngào hơn, bóng dịu thêm.
Xanh tạnh sương nương ngàn liễu bến
Vàng rơi trăng động đóa hoa thềm.
Phong thư bạn cũ... hương nghìn dặm...
Phím nguyệt song hồ, mộng nửa đêm...
Mây khói ngày non, thơ lướt cánh ;
Vườn chim, hơi Gáy gáy êm.. êm..

8 Juin 1942

GIẢN-CHI

Muốn làm giàu, mua vé số
Đông-Pháp
1p. một vé

Từ Hanoi đến hồ Ba bể

tiếp theo trang 11

công-Ty mỏ Chợ-điền vốn 16 triệu quan.

Hồi toàn-thịnh, công-ty đã dung-thụ tới hơn 5 nghìn thợ và phu và 30 người Âu để quản-đốc công việc. Ngày nay chỉ còn độ 5 người Âu và *vớc* 500 thợ. Tuy vậy, công-ty vẫn có cơ phát-đạt, có một cái tương-lai rực-rỡ!

Những công trình vĩ-đại, đã có ảnh-hưởng to đến tiền-đồ Công-ty, đều do những thiên-tài lỗi-lạc đáng kỷ-niệm lâu dài như hai ông Bault và Beunardeau.

Muốn hưởng cái thú nghỉ mát trên Plateau, hôm ấy, chúng tôi lưu-trú tại nhà ông khán-hộ, đến chiều mới về Chợ-điền.

Lúc về, ngựa xuống dốc dễ-dàng và nhanh-chóng hơn lúc lên. Được nửa đường, chúng tôi gặp mấy người đàn-bà ta cưỡi ngựa đương trèo dốc, trên lưng ngựa có đeo nhiều thực-phẩm. Hỏi ra mới biết thường-nhật các bà vợ các ông kỹ mỏ trên Plateau xuống Chợ điền để mua các thứ nhật-dụng Nhân thấy vậy, tôi nảy ra một quan-niệm: Nghĩ như đàn bà con gái nước ta khi xưa, những ai hồi vào bực phong-lưu, đều giữ vòng khuê-các, đâu có biết rừng xanh suối bạc, mà ngồi trên lưng ngựa thân ngày! Chẳng qua đó cũng là cảnh-ngộ có thể làm cho người ta biến-hóa khí-chất vậy. Phải chăng là «thiên nhiên học-hiệu» của cuộc sinh-nhai buổi mới!.. Và phải chăng câu ca-dao này đã vì các bà ấy mà yên-ủi:

«Vì chồng nên phải gắng công,
«Nào ai da sắt, xương đồng chi đây?»

Vì sáng hôm sau chủ-nhật là phiên chợ Bản-ti, nên lính-cơ và lính dõng phải đi tuần suốt đêm để giữ-gìn trật-tự, trong khi các thổ-dân ở xa đem hàng ra chợ từ tối hôm trước để kịp họp chợ sớm.

(còn nữa)

NHẬT-NHAM

Đảo Ái-Nhĩ-Lan

tiếp theo trang 13

lan tự do. Miền Ulster, đứng biệt-lập không nhận hợp-nhất với Ái-nhĩ-Lan. Như vậy là vấn-đề Ái-nhĩ-Lan đã giải-quyết xong.

Đã 20 năm nay, Ái-nhĩ-lan chia làm 2 phần: phía Bắc là xứ Ulster thuộc Anh và trung-thành với Anh; phía Nam là xứ Eire hầu như độc-lập hẳn.

Nhưng xứ Eire vẫn muốn hợp-nhất hai xứ ở Ái-nhĩ-lan làm một, cho nên hễ gặp cơ-hội là gây cuộc đổ máu ngay.

Gần đây, các nhân-viên quá khích trong quân-đội cộng-hòa Ái đã gây cuộc nội-loạn, cốt để đòi bẩn quyền độc-lập cho xứ Ulster ở bắc Ái-nhĩ-lan. Các đảng-viên quá-khích cố mưu-hại quân-đội Anh-Mỹ tập-trung tại bắc Ái-nhĩ-lan là những đạo quân đã đổ bộ lên các hải cảng miền Ulster từ 9 tháng nay (18-11-1941). Nhà chức-trách khám phá được một kho khí-giới, làm giảm lực-lượng của đảng quá khích.

Một nơi tàng-trữ các chất nổ trong một cái ấp quanh miền Belfast bị cảnh-binh khám-phá sau một trận sô-sát giữa cảnh binh và quân địch, quân phòng-vệ nơi tàng trữ ấy bị giết, trong mình có giấy căn-cước giả-mạo. Theo cuộc điều-tra, thì nơi tàng trữ chất nổ của xứ Eire này lập nên một cách bí-mật.

Chiều 4 Septembre 1942, tại Belfast, cảnh-binh phải xin thêm cứu-viện và ô-tô thiết giáp Một đoàn ô-tô thiết-giáp vây quanh thành Địch-quân phải tháo lui.

Các nhà chuyên-trách phải luôn luôn do-thám, khám xét và bắt nhiều người âm-mưu phá-hoại quân-lực Anh-Mỹ tập-trung tại phía bắc Ái-nhĩ-lan.

Sau việc Ấn độ, việc Ái-nhĩ lan là một vấn đề khó khăn mà Anh cần phải giải quyết trong một thời gian rất ngắn, để kịp đối-phó với tình-thế.

NHẬT-NHAM

Thu

Vô duyên chúm nửa miệng cười
Nắng lên muồn-muộn nửa trời vàng hoe.
Sau rừng chim lắng hồn nghe
Lá nghiêng nghiêng đổ như se tiếng đời.
Rào thưa ngăn khó nổi rồi
Sầu-tư gió đã dẫn lời héo hon.
Rực hồng cuối nẻo cô-thôn.
Nẻo cô-thôn, nẻo cô-thôn rực hồng?
Mà sao giữa một cánh đồng
Hoang-vu đến cả cõi lòng cũng sương?
Lối về dấu cũ mòn hương
Đường thơi vút mái thùy-dương nhạn về.
Ô hay! Lệ nhỏ đầm-đìa,
Trăng lên loáng cả mây kia lạnh lùng?
Hay đây sót lại sau rừng
Vài tia nắng nhạt ngập-ngừng chưa đi?

NGỖ-HÒA

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giả gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM

Trịnh - như - Tấu

1 — Hưng yên địa chí 0p.80
2 — Bắc giang địa chí 1.50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán

195 Phố Hàng Bông—Hanoi

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 42

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

Kim Vân Kiều (bài nối)

Sắm sanh nếp tử xe châu,
Vùi hồng một nấm, mặc dầu cỏ hoa.

Hai chữ *vùi hồng* có bản chép là *vùi nông*, nghĩa cũng thông; nhưng cụ Kiều-oánh-Mậu nói chữ *tử*, chữ *châu*, chữ *hồng* là chữ hay của nhà làm văn, thường dùng để tả cảnh: « văn tự khiếu giả », cho nên cụ cho khắc là *vùi hồng* trong quyển *Đoạn trường tân-thanh*, tờ 2 b.

Khi Kiều viếng mả Đạm-Tiên, có đề bài thơ sau này:

Sắc hương hà xứ giã ?
Bằng điếu thống tâm *tai !*
Minh-nguyệt lãnh uyên-bị,
Ám-trần đối kính *đài*.
Ngọc tuy hoàng-thổ táng,
Danh vị bạch-tuyết *mai*.
Thượng hữu như thằng tửu,
Vô nhân điện nhất *bôi*.

Nghĩa là: Sắc hương ở chốn nào ? Để ta thăm viếng đau lòng ! Giăng soi chăn gối lạnh Bụi phủ đài gương trong Ngọc tuy chôn dưới đất vàng, tiếng chửa vùi nơi tuyết trắng. Còn có rượu như nước, nào ai rót cúng một tuần !

Cứ theo bản Kiều bằng chữ Hán của Thanh-tâm tài nhân, thì Thúy-Kiều bẻ một cành trúc, cắm ở trên mộ, khấn rằng: «Lưu Đạm-Tiên ! Lưu Đạm-Tiên ! Ta là Thúy-Kiều, ngày nay viếng nhà ngươi, ngươi nên thấu xét ». Xong rồi, nặn đất làm hương, cúi mình bốn lạy, lạy xong đề bài thơ trên kia.

Đến khi Kiều thấy Đạm-Tiên ứng hiện, lại làm một bài thơ nữa, tức là bài thơ mà tôi đã đăng trong *Tri Tân*, số 63 trang 6. Trong bản chữ Hán của Thanh tâm tài nhân, thì chép Kiều lấy cái trâm ở trên đầu, đem bài thơ viếng và bài thơ an-ủi vạch cả ở trên da cây: cả hai bài đều tám câu bốn vần. Trong quyển *Kiều* của cụ Nguyễn-Du, thì bài thơ trên kia, tức là bài thơ viếng (điếu thi) cụ đặt là:

Chiếc trâm sẵn dắt mái đầu
Vạch da cây vịnh tám câu tư vần.

Còn bài dưới là bài thơ an-ủi (ủy-thi), cụ đặt rằng:

Đã lòng hiển hiện cho xem,
Tạ lòng nàng lại nối thêm vài nhời.
Lòng thơ lai-láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ-thi.

Xem như thế, thì có nhiều đoạn cụ Nguyễn-Du chỉ lấy cốt truyện mà thôi, chứ không theo bản chữ Hán dịch đúng từng chữ, từng câu.

Gặp tuần đỏ lá, thỏa lòng tìm hoa.

Đỏ lá là theo điển « hồng diệp đề thi » tôi đã dẫn trong số 63, trang 17. Có bản chép là *đồ lá*, có bản chép là *đố lá*, có lẽ sai cả.

Mảnh giăng chênh chếch dòm song,
Vàng gieo đáy nước, cây lồng bóng sân.

Có bản chép là:

Gương Nga chênh-chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.

lại có bản chép:

Gương nga văng vẳng từ song,
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân

Chữ *gương Nga* và chữ *mảnh giăng* nghĩa cũng như nhau vì câu dưới đã có chữ *bóng nga* một mình lặng ngắm bóng nga cho nên câu này dùng chữ mảnh giăng cho khỏi điệp. Cụ Kiều-oánh-Mậu chua rằng câu: «Mảnh giăng chênh-chếch dòm song » bắt-chước câu *Hoa-tiên*: « Vừng giăng vằng-vặc song sa ».

Chênh-chênh bóng nguyệt xế mành,
Tựa hoa bên triện một mình thu-thu.

Có bản chép câu dưới là:

Tựa nương bên triện một mình thu thu

hoặc là:

Tựa lan bên ghế một mình thu thu.

Chữ *lan* có lẽ đọc nhầm chữ *nương*, còn chữ *triện* nghĩa là ghế, thì chép là *ghế* có lẽ cũng được.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

ĐÃ CÓ BÁN:

Thi-Văn tập

của Phạm Mạnh Danh

Soạn giả tập Bút - Hoa, quyển sách được đức Hoàng-Thượng ngự lãm và ban thưởng Kim-khánh cho tác giả. Thi-Văn tập có lắm bài rất tài-tình và diễn-luyện, người đã biết xem văn không thể không thưởng thức Thi-Văn tập. Sách do cụ Thượng Phạm-Quỳnh đề tựa, Nguyễn-trung-Khắc (111 Rue du Cuivre Hanoi) xuất bản — Giá 2p20

Chuyện ly kỳ, thơ thánh thót, văn thanh tao là tập

Hồng-Kiều

của Phạm-Mạnh-Danh

Sắp xuất bản

Kỷ niệm cụ Nguyễn-Du

cụ Tiên-Điền với chúng ta

Tiếp theo và hết

Hội-thống VŨ VĂN-LỢI

ĐỌC tuồng *Le cid* ta thương Chimène, người quốc sắc thiên hương, vì sự sóng gió bất-kỳ, nên hiếu, tình khôn lẽ hai bề vẹn hai. Nhưng thương cũng có chừng, phải chăng vì nỗi đau đớn của nàng tuy thuộc về tinh-thần nhưng chỉ trong một thời-gian ngắn-ngủi đã tan khuây, vì đã có người sớm gỡ cho ra mối sầu.

Đọc *Lamartine*, ta thương Jocelyn, khách tài hoa lỗi lạc, vì chàng đã quên mình, hi-sinh cả tương - lai sán - lạn, cả hạnh - phúc một đời, để gây-dựng hạnh-phúc gia-đình êm-ấm cho em gái. Nhưng thương cũng có hạn, vì chàng đã được cái phần thưởng vô giá về tinh-thần đền bù lại, là trông thấy mẹ già hiền từ còn đó, được an tâm nở một nụ cười hi-vọng và em gái ngây-thơ, tung-bừng xây đắp nền-móng hạnh-phúc cả một đời với người yêu trong lý-tưởng.

Đến như Thúy-Kiều thì lòng ta thương nàng thật là mông-mênh bát-ngát. Một bên là « duyên bội-ngộ », một bên « đức cù,lao » : nàng đã cả-quyết hi-sinh mối tình đầu trong sạch, cao-quí trọng đời nàng, để lời thệ hải minh sơn mà giữ cho tròn đạo hiếu. Trong khi cả nhà còn đang ngơ ngác rụng rời vì nỗi tai bay vạ gió, phân-vân chưa biết sử trí ra sao, nàng đã có một ý - định cương - quyết, khả-dĩ vãn-hồi được cục diện, giữ vững cơ-đồ, là tự ý bán mình chuộc cha. Không những thế thôi, khi thấy cha già, một hai toan những « gieo đầu tường vôi », nàng còn biết lựa nhời khuyên-giải, bày tỏ lẽ thiệt hơn, vạch sẵn một đường sinh-lộ, tuy lúc bấy giờ sự đau-đớn về tinh-thần của nàng đã lên đến cực điểm. Lời - lẽ thật là thảm - thiết, ai-oán, nhưng lý luận lại rất chính-đáng mạnh-mẽ, nên Vương ông nghe lời nói phải, cũng thấy êm tai. Lúc này Thúy-Kiều nghiêm-nhiên như một trang nam-tử gan-dạ, trí-dũng, cơ-quyền có thừa, vững tay buồm lái chống với cuồng-phong, quyết đưa con thuyền gia-đình vượt qua cơn giông-tố phũ - phàng mà vào bề yên bến lặng ; những rắp mong được đem tim, óc để đền bồi ba xuân.

Dám hỏi các bạn tu-mi, đọc đến đoạn này mà không thấy giật mình sao ? Phận đào tơ liễu yếu, mới bước chân vào trường đời, đã oanh liệt thế, huống chi « bảy thước thân nam tử, ngang giọc chí nam nhi », hiếu, đễ, trí, tín, tu, tề, trị, bình, phải tính làm sao đây cho khỏi hổ với nợ tang bồng ? Nhưng ai thường rung đùi ngâm câu « Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô », chẳng hay đối với Thúy-Kiều nghĩ sao ?

Một người « đẹp ngoài nhan sắc » ở đời đã là hiếm có. Với cái vẻ đẹp nghiêng nước, nghiêng thành, mà lại thêm vẻ « đẹp trong tinh - thần » nữa (Phạm-Quỳnh) thì thật là thế gian hãn-hữu. Một người đẹp hoàn - toàn như Vương Thúy Kiều trách nào trời xanh không đánh ghen ?

Kể từ khi còn màn che, trướng rủ, mà xem trong sổ đoạn trường đã thấy có tên. Tài hoa đến nỗi « vì đem vào tập đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên.

Dù có muốn liều hoa nát ngọc, lại sợ cháy thành vạ lây. Vả lại, nợ đoạn trường còn đó, trời nào gỡ cho. Rỉ răng : Nhân quả dở dang, đã toan trôn nợ đoạn trường được sao ? Cho nên trong cõi hồng trần lại nay đây, mai đó ; nước thẳm non xa, phương trời vó võ, luống những sót người trong hội đoạn trường đời cơn.

Nào những khi trời dâng hôm sớm, gió cuốn ban chiều, nét thu ba ủ dột, lòng gửi áng mây Hàng, thì đoạn trường lúc ấy đã buồn tênh ! Lại khi người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm, tơ đồng một tiếng, gẩy khúc đoạn trường khiến cho lòng ai tan nát.

Hiếu, nghĩa đủ đường, mà sao gặp những đoạn truờng thế thôi ? Phải đợi đến sông Tiền đường, giữa chốn mây vàng, nước biếc, có lời thần mộng rõ ràng, thì kiếp đoạn trường mới thật hết từ đây, và trong sổ đoạn trường mới được rút tên ra. Thúy Kiều không gặp từng ấy nỗi đoạn trường ở Bắc phương, thì sao lại có tập Đoạn trường tân thanh ngày nay lưu truyền bên Nam Hải ?

Nhưng dù son phấn mười lăm năm lưu lạc mà ở đâu, gặp trường hợp nào, Thúy-Kiều cũng vẫn tỏ ra có nhân cách phi thường, biết đường kính trọng, biết lời phải chăng. Rút cục, gương trong chẳng chút bụi trần, vẫn giữ vững được « cái hương-vị thanh-cao của bình tố » (Phạm-Quỳnh ; Thật là : « Đã nên có nghĩa có nhân, Làm gương cho khách hồng quần thử soi ».

Tấm gương thiên cổ Cụ Tiên-Điền đã treo cao đó, thiền nghĩ gái cũng như trai, đều nên soi chung mà học lấy chữ hiếu. Ở Á-đông vốn vẫn coi chữ hiếu là trọng, nhất là trên bán đảo chữ S này, « cả cái lâu đài đạo đức của ông cha ta đều là xây lên cái nền chữ hiếu cả » (Phạm-Quỳnh) Phải chăng vì còn hiếu, tôi chung, bạn quí, mẹ nhân, cha đức, chồng hòa vợ thuận, anh nhường, em kính, râu thảo rể hiền, bấy nhiêu đầu dây mối rợ đều vẫn đi đôi, bởi có liên lạc mật thiết với nhau ?

Mỗi tuổi mỗi khác, nhưng càng đi xâu vào cuộc đời bao nhiêu, ta càng nhận thấy cái chân lý sáng sủa ấy rõ-rệt bấy nhiêu. Một người con bất hiếu có thể làm giương cột cho gia đình, trở nên một người bầy tôi trung, hay một người bạn tốt được không ? Tôi rất lấy làm ngờ. Trái lại, ngoài xã hội tài năng thì thố, trong gia đình, trên kính, dưới nhường, ở vào khuôn phép, nói ra mối giường, có thể là một người con bất hiếu được chăng ?

Không bao giờ !

Cho nên, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, đã đành là những đức lớn trong thiên-hạ, Nhưng sánh với chữ hiếu vẫn còn thua,

Trong tập Đoạn trường tân thanh. Cụ Tiên Điền hiếu dương chữ hiếu cũng không phải là vô cớ. Học vấn uyên bác thấy xa, biết rộng, nhiều kinh nghiệm, lịch lãm, gót chân hồ hải đã từng đưa khắp đó đây, từng chải mùi đời đã lắm, cụ xét nhận rằng ;

Phàm những người có tài trong thiên hạ, phần nhiều là không có mệnh Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời ! Chữ mệnh ác-nghiệt bao giờ cũng giữ phần thắng ; cho nên bắt phong trần, ta phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao. — Vậy hỡi những ai là khách hồng - nhan mà bạc phận, những người bạch diện mà nổi chìm, cũng đừng trách lẫn Trời gần, Trời xa.

Nếu tài là thông lụy muôn đời, thì tình là giây oan muôn thủa. Không nên khư-khư tự buộc lấy mình ; phải liệu mà gỡ dần tiền oan, túc trái.

Duy có chữ hiếu là đáng quí, bởi gốc tự tâm, cỗi nguồn chính ở lòng người mà ra. Phàm những cử - chỉ tốt đẹp trong tính tình, có tính cách nhân loại, đều do ở hiếu tâm phát-xuất cả. Và một khi hiếu tâm đã thấu đến trời, thì cái nghiệp của ta tự-nhiên sẽ nhẹ đi nhiều.

Có nên nhắc lại truyện xưa, tích cũ ? Lão-Lai 70 tuổi, còn mặc áo ngũ sắc ra sân nhảy múa, mong làm vui lòng cha mẹ ? Đề Oanh, Lý Kỳ tuy là phận gái, mà một người dâng thư xin chuộc tội cho cha, một người bán mình lấy tiền cứu mẹ.

Hay ôn lại truyện nước nhà ? Nguyễn Trãi sở-dĩ làm nên công-nghiệp nghìn thu sử sách, danh thơm còn mãi với non sông, cũng vì đã hiểu thấu chữ hiếu một cách sâu-xa, khác - thường. Cha là Phi-Khanh bị quân nhà Minh bắt mang về Tàu, Nguyễn Trãi cùng với em là Phi-Hùng theo đến cửa nam quan, nặng tình phụ tử, khóc lóc sụt sùi. — Nhưng đến khi nghe cha ân-cần khuyên nhủ : «Nên lo rửa hận cho nước thì thù nhà cũng sẽ trả được », Nguyễn Trãi vùng tỉnh ngộ, bái biệt quay về.

Từ đấy phong - trần mài một lưỡi gươm, non sông rong ruổi đi tìm chân chúa. — Lam-sơn dù gặp-gỡ, cũng phải trải qua 10 năm nằm gai nếm mật, chúa, tôi mới quét sạch được quân Minh ra khỏi bờ cõi mà ca khúc khải hoàn — Thù nhà đã trả, nợ nước cũng đền. Nguyễn Trãi nếu không giữ trọn chữ hiếu, sao lại được thêm chữ trung, khiến cho chúng ta ngày nay đọc đến bài Bình Ngô Đại Cáo luống những bùi ngùi, cảm - động, nhớ công ơn bậc hiếu-tử, trung-thần. — Bấy nhiêu đó, cũng đủ chứng-tỏ rằng cụ Tiên - Điền đã rất thận trọng trong khi soạn tập Đoạn trường Tân-thanh. Đã dụng ý giải tỏ tâm-sự một cách kín-đáo, Cụ cũng muốn nhân dịp ấy cảm hóa lòng người, giảng cho ta nghe cái triết - lý uyên-thâm của Phật - học, thế nào là nhân quả, luân hồi, thế nào là tiền oan nghiệp chướng và reo rắc những mầm hiếu, thiện, trung nghĩa, trong lòng ta.

Tóm lại, về văn-chương nghệ - thuật tập Đoạn-trường Tân-thanh đã đành là một tác phẩm kiệt-tác. Về phương-diện luân-lý, cái giá trị lại cũng không phải là nhỏ vậy.

Thưa các bà,

Thưa các ngài,

Lát nữa đây, ra về, qua hồ Hoàn-Kiếm, trông lên một mảnh trăng thu vằng-vặc giữa trời, tỏa ra một bàu ánh-sáng mơ-hồ, êm-dịu, nhẹ - nhàng, thấm-thía, gió hiu-hiu thổi, ngọn cỏ lá cây rung động, các bà, các ngài, có lẽ sẽ cảm thấy tâm-hồn lâng - lâng, phơi-phới, như muốn bay bổng trên khoảng xanh-xanh vô-tận, và tự nhủ rằng : «Dù cuộc đời có bể dâu, dâu bể đến đâu chăng nữa, thì cái hương hỏa vô giá cụ Tiên-Điền đã để lại cho chúng ta cũng cứ tồn tại với hai vừng nhật-nguyệt, mà cũng sáng tỏ. »

Đã từ hơn một thế-kỷ nay, và còn về sau này mãi mãi, hồn nhà Thi-sĩ thân-yêu của chúng ta, của non sông gấm vóc Đại-Việt vẫn hình như còn phảng-phất đâu đây ; như ẩn, như hiện, như gần, như xa, hoặc bay la - đà giữa khoảng núi Nùng sông Nhị, trên làn nước đỏ bên Ái-mộ.

Vì hồn còn mang nặng lời thề, tuy đã nát thân ngang-tàng bảy thước đền nghĩ nước non...

Ngày nay, nhờ có kỳ-công của cụ Tiên Điền đã «điểm giọt máu chuốt nên văn quốc-ngữ» (Tùng-Vân Nguyễn đôn-Phục) nên khắp trong nước, từ cửa Nam quan đến ngọn Camau, chỗ nào văn quốc ngữ cũng thấy được yêu - chuộng, quí báu, không đến nỗi bị coi thường, coi khinh như trước nữa.

Ai ai cũng đầy một lòng tín-nhiệm ở tương lai rực-rỡ, tốt-đẹp của một thứ tiếng thanh-tao, thép lót, réo-rắt, nhịp-nhàng và ôm một bàu nhiệt huyết mong bồi-bổ cho cây quốc-văn ngày một nở ngành xanh ngọn, mạnh - mẽ đâm chồi nảy lộc dưới ánh sáng lập loè sao Dực Chẩn (Bài kỷ)

Tối hôm nay, chúng ta đốt lò hương ngát, so tơ phím đồng, vì dù hồn Cụ Tiên-Điền có về chứng - kiến tấc lòng thành kính, tất cũng hoan - hỉ vì thấy chúng ta biết phụng-sự quốc-văn tức là quốc hồn một cách chân - chính, sáng-suốt vậy. (Hết)

Hội-Thống VŨ-VĂN-LỢI

Bia văn miếu

Tiếp theo trang 8

32 tuổi. Làm quan đến Đông - các hiệu thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 18 a và *Đăng khoa bị khảo*, A 485, quyển Nghệ-an tờ 2b).

6. — Lê-Bột, người làng Mễ-sở, huyện Đông-an, làm nhà ở bãi Mạn-trù. Làm quan đến Hiến sát sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 18a)

7. — Nguyễn-tiến-Lương, người huyện Thiện-tài (*Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 18a). *Còn nữa*

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Khẩn cáo

Bản chí xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên kíp gửi ngay mandat về trả cho, chúng tôi rất cảm ơn các bạn

TRI TÂN

Nam đàn bát-châu tục-thảo

lối thơ tân thành lập

Số 5

Tác-giả : TỦNG-VÂN đạo-nhân

IX

Vịnh - hoài Nam-sử cổ-tích

Bài thứ ba — Nàng Mị-nương

Gái Mi-nương, con vua vua giấu ;
Hai rể hiền, sao khéo nợ ba sinh.
Phải chăng là giá khuynh-thành :
Sơn-tinh nhanh nhẹn, Thủy-tinh nồng-nàn.
Xe về Tản, hoa ngàn dặm đón ;
Cá xuôi Đà, nước mỗi năm dâng.
Cái oán thì nấp sau lưng,
Cánh quân Tây-Thục tưởng chừng gần xa ?

Chú thích

Hai rể hiền : Tức là Sơn-tinh, đời gọi ông Thánh Tản, và Thủy-tinh, tục gọi vua nhà Thủy. Tương-truyền : hai vị thần Sơn, Thủy cùng đến dạm hỏi Mị-nương một ngày ; Hùng-vương than rằng : Ta có một con gái, lẽ đâu được cả hai rể hiền. Rồi Sơn-tinh nhanh chân, cưới được Mị-nương trước, đón về Tản viên. Thủy-tinh từ đấy mỗi năm một lần dâng nước lên ngọn Đà-giang để đánh ghen, nước to sóng cả.

Cánh quân Tây-Thục : Thục-chúa An-dương-vương trước kia cũng ngỏ lời đính-hôn Mị - nương, Hùng-vương từ chối không gả, Thục-chúa để lòng thù oán, chẳng bao lâu dấy quân giệt nước Văn-lang : Vở sử mười tám đời Hùng kết-liễu.

Định nghĩa chữ « gái »

Chữ « gái » có nhiều nghĩa rộng : nghĩa thứ nhất là tỏ rõ ra một người đàn bà tài đức hơn người mà tỏ lòng sùng bái, như là «nữ - trung Nghiêu, Thuấn ; nữ-trung hào-kiệt » v. v... Nếu nói nghĩa cho đúng thì là gái hào-kiệt, gái Thuấn, Nghiêu, thì chữ gái chính là chữ tiêu-biểu cho tinh - thần, khiến người sùng bái. Hai là nghĩa đặc biệt, như là « trai anh-hùng, gái trinh-tiết, trai tráng sĩ, gái thiên-quyên » v. v... Ba là nghĩa thông thường, như là « trai lành, gái tốt, trai chí tứ phương, gái tề-gia nội trợ » v. v... Chữ «gái» trong Quốc-âm có nhiều ý nghĩa to tát trân trọng, không phải là chuyên chỉ về hạng gái tầm thường như người ta đã tưởng. Thi gia với lãm giả nên hiểu thấu một cách rộng rãi chính đáng.

X

Bài thứ tư — Nàng Mị-châu

Chồng chẳng phụ, cha đâu con nỡ phụ,
Ân nghìn năm, ai xét tỏ cái oan kia !
Chuyện châu, chuyện móng ly-kỳ,
Trai chìm đáy bể, rùa đi nơi nào ?
Bức thành cổ, cây cao con quạ đậu ;
Nước suối vàng, giếng lạnh bóng trăng soi.
Khéo dư nước mắt khóc người,
Phế, hưng âu cũng cơ giời ở trong.

Chú thích

Chuyện châu, chuyện móng : Ngoại sử : Thục An-dương-vương được thần Kim-qui cho cái móng rùa, chế làm máy nỏ, bắn đâu tan đấy. Triệu-Đà dùng kế cho con là Trọng-Thủy kết hôn Mị-Châu, sang gửi rể nước Thục. Trọng-Thủy đánh lừa Mị-Châu cho xem nỏ thần, thay đổi máy nỏ. Quân Triệu tiến đến, nỏ thần chẳng còn thiêng nữa. Thục chúa chiến bại, đem con gái đi chạy, gần đến bể, đường cùng, chém con rồi nhảy xuống bể. Lúc ấy Mị-Châu có thề rằng : « con nếu chẳng phụ cha, thì sau này hóa làm châu ngọc ! ». Nam hải vốn sản xuất minh châu. Tương-truyền loài trai ăn được máu Mị-Châu, nên sản xuất ra châu. Nay xã Cổ-loa thuộc Đông-anh, Phúc-yên, còn dấu vết thành cũ vua Thục. Trước đền An-dương-vương có hồ, giữa hồ có cái giếng khá rộng, gọi là Ngọc-tỉnh. Tương truyền châu ngọc mờ ám, rửa bằng nước giếng ấy lại sáng lên khác thường.

Phế, hưng : Cũng như nói thất bại với thành công.

Cơ trời ; Bộ máy thay đổi chuyển vần của Tạo-vật. Truyện Kiều : « *Cơ trời dâu bể đa-đoan* ».

Phụ bàn tính chất cổ sử

Phàm cổ-sử, vô luận Đông Tây, đều có sự hoang đường, vì hoang đường là tính chất cổ sử, không thể tránh được. Sử gia chủ tín bút, đối với những sự hoang đường, phần nhiều gạt để làm một mớ ngoại sử. Đến như thi gia chả vịnh ca, nếu theo như phép sử gia quá nghiêm, quá khắc, thì còn gì là tính chất cổ sử mà vịnh thán ca ngâm ; vả chăng cổ sử lại có nhiều thú vị. Tuy nhiên, đối với tính chất cổ sử, mà nhất thiết dùng làm tín bút, tả ra những hình ảnh trạng thái như người đời nay, không kể trình độ của thời đại gì cả, thì cũng không khỏi là ngọn bút chửa nghiên-cứu. Nên chi thi gia đối với cổ sử lại phải siêu việt lên một tầng và khó đi một tầng, dùng bút nên vãng lai sếu điểu, tựa có, tựa không, cốt sao không làm mất bản sắc của cổ sử. Tụu trung lại nên có cảm tình sâu xa ; có trác thức, có chính luận, ngõ hầu, có ích cho người xem về sau. Tưởng như thế hoặc phải phép vậy.

Phụ lời nhắc lại

Tập dự thảo thể thức chính kỳ thứ 2 có lệ : « câu nhất nhị và câu ngũ-lục, những chữ vần trắc ở cuối câu và giữa câu, nếu dùng vần được thì càng hay nhất qui nhất ; nếu không thì cũng theo như lệ Hát nói cổ mà nhiều khi rộng rãi miễn dùng ». Nay xin nhắc lại mà nói thêm cho rõ ra : bởi vì câu nhất nhị là câu khởi bút, nửa phần quan trọng ở thanh điệu xinh ròn. Đến như câu ngũ lục là câu chỉnh-bút, thì hoàn toàn quan trọng ở cách song hàng đối nhau cho chỉnh, và có bút lực là hơn. Thi gia đối với hai câu nhất nhị và ngũ lục ấy, không nên câu nệ về chữ vần trắc mà khiến câu thơ kém vẻ hay đi. Tóm lại thì những chữ vần trắc ở câu nhất nhị và câu ngũ lục là vần tự nhiên, không phải là vần bắt buộc. (Hát nói cổ vốn có lệ ấy). Duy chữ vần bằng ở ở giữa câu thứ năm thì tất phải dùng, vì chữ vần ấy tiếp với chữ vần câu thứ tư, không có lệ được bỏ sót. Lời này trước đã đăng ở Đông-pháp báo, nay xin nhắc lại.

Còn nữa

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 7 **Thọ-xuân Lê văn-Phúc**

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỌ
DŨNG 勇 Lê-cao		Định-tường	N	41	14b	nay là Mỹ-tho
DŨNG » Lê-văn		Thừa-thiên, Phú vang	S	15	21a	
DŨNG » Nguyễn-đình		Thuận-hóa	T	3	4a	con Nguyễn ư-Dĩ
DƯ 琰 Phan-văn	tự Lỗ-bửu	Hà-tịnh, La sơn	N	39	3b	
DỰ 譽 Bùi-đình		Thanh-hóa, Hậu lộc	N	40	9b	
DỰC 翊 Nguyễn-cửu		Thanh-hóa, Qui huyện	T	4	4b	
DỰC » Nguyễn-văn		Biên-hòa, Phước an	S	13	27a	
DỰC 翼 Võ-huy		Bắc-ninh, Quế dương	N	37	20a	
DƯƠNG 揚 Đoàn-danh		Hà-tịnh, La sơn	N	31	13b	
DƯƠNG 楊 Phan-đình		Bắc-ninh, Đông ngạn	N	34	1b	
DƯƠNG 楊 Tôn-thất		Huế	N	11	14b	
68						
Đ						
ĐẠC 鐸 Nguyễn		Thừa-thiên, Phú vang	N	40	19b	
ĐẠI 大 Hồ-quang	hựu danh Hán-châu	Thừa-thiên, Hương trà	T	5	32a	
ĐẠI 代 Lê-quang		Thừa-thiên, Phú vang	T	5	33a	
ĐẠI 大 Tống-hữu		Thanh-hóa, Qui huyện	T	4	19b	
ĐÀM 談 Ngô-tá		Thừa-thiên, Hương thủy	N	40	7a	
ĐÀM 覃 Nguyễn-cửu		Thanh-hóa, Qui huyện	T	4	9a	
ĐÀM » Võ-xuân		Quảng-bình, Lệ thủy	T	5	28a	
ĐẠM 淡 Tống-phước		Thừa-thiên, Hương trà	S	8	32a	Huyền tôn của Hồ quang-Đại
ĐẠM » Võ đình		Bình-định, Phù cát	S	25	2b	
ĐÀN 壇 Nguyễn-đăng	hựu danh Tường,	Thừa-thiên, Hương trà	T	6	19b	
ĐÀN 檀 Trần-công	tự Thuần nhứt,	Gia-định, Tàn long	S	20	7a	nay là vùng Chợ-lớn
ĐÁN 旦 Đặng	tự Nhựt-lãng	Nghệ-an, Đông thành	N	18	12a	
ĐẢN 亶 Lê-duy		Bắc-ninh, An phong	S	20	1316	
ĐẢN 檀 Ngụy-khắc		Hà-tịnh, Nghi xuân	N	26	17b	
ĐẢNH 鼎 Lương-như	sơ danh Kim-huyễn	Thanh-hóa, Hoằng hóa	N	42	3b	cũng đọc « Đỉnh »
ĐÀO 燾 Huỳnh		Thừa-thiên, Hương trà	N	18	10a	
ĐÀO 祶 Tống-phước	hựu danh Mai	Thừa-thiên, Hương trà	T	5	32b	trước là họ Hồ
ĐẠO 道 Nguyễn-	tự Suất-tánh	Quảng-nam, Lễ dương	N	42	4b	
ĐẠT-BỔN 達本		Bình-định	T	6	25b	
ĐẠT 達 Lê	hiệu Đạt-hỏa	không biết	T	6	21a	
ĐẠT » Nguyễn-đức	tự Hoát-như	Nghệ-an, Thanh chương	N	38	8b	
ĐẠT » Phan-bá		Hà-tịnh, La sơn	N	25	11b	

(1) T. : Tiền - biên, S. : Sơ-tập, N. : Nhị-tập

TIỂU-THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 15 của CHU-THIÊN

NÓI xong, Tái-Tạo rạp người xuống ghì cương ngựa chực cho vượt lên, thì vụt một cái, một người cưỡi ngựa phi ngang qua vượt lên trước. Tái-Tạo liền vội-vàng quặp chân giữ lấy bụng ngựa dừng lại nhường lối, rồi mới lại ra roi, phóng theo và gọi :

— Cậu ơi ! Cậu ! Cậu !

Nhưng người đi trước đã phi xa rồi. Tái-Tạo không gọi nữa, cũng phi ngựa theo. Đằng sau, Trần-Long, Liên-Tường cũng lại phi ngựa đi nhanh vượt lên và giục phu võng cố chạy đuổi theo. Một lúc sau cả đoàn đã dừng lại trước cửa một cái nhà gianh cao ráo ở giữa rừng, chung quanh vây bằng một bức rào khô chắc-chắn ; cổng ngỏ và cửa ngỏ. Mọi người đều theo Tái-Tạo vào nhà. Trong nhà vắng vẻ không có ai. Phan phu-nhân và Liên-Tường đều lấy làm lạ, nhìn nhau ngơ ngác. Liên-Tường quay lại hỏi Tái-Tạo :

— Em ơi ! Cha đâu ? Cha có đi đâu bao giờ không ?

— Thưa chị, không ạ ! Để em đi tìm !

Tái-Tạo chạy đi rồi. Cả ba người đều băn-khoăn tung-tăng đi lại trong nhà tỏ vẻ sốt ruột và hoài-nghi nữa. Phan phu-nhân và Liên-Tường đưa mắt cố tìm kiếm lục-lọi khắp mọi nơi, mọi xo trong nhà, xem có thấy thứ gì của Phan Thượng-thư thường dùng như hồi ngài còn ở nơi biệt-thự dưới Phố Hiến không. Nhưng không có cái gì có thể gợi lại kỷ-niệm của Phan-công hồi trước. Trong nhà chỉ thấy toàn cung tên và trên vách treo đầy những da loài muông săn được cùng những chạc hươu, chạc nai và cả những chim đẹp lông phơi khô căng thẳng cánh trông rất đẹp. Tất cả đều tỏ ra vẻ nhà của một con người thiện-sạ, quen nghề săn-bắn. Mà xưa nay thì Phan-công có săn-bắn bao-giờ ! Mối ngờ vì thế càng tăng lên, Liên Tường không giữ nổi, phát ra lời nói :

— Hay là ta nhầm ! Không xét kỹ.

Phan phu-nhân cũng nói :

— Ừ, có lẽ. Chứ sao lại cả nhà đi vắng bao giờ. Vả già rồi thì còn đi rừng sao được.

Bình tĩnh hơn, Trần Long ôn-tồn nói :

— Thưa nhạc mẫu, để đợi Tái-Tạo về xem đã !

Liên-Tường nói :

— Hay nó trốn thì sao ?

— Đời nào ! Một cậu bé thông-minh và can-đảm như thế, dại gì mà rước ta về nhà rồi để mà đi trốn.

Vừa lúc ấy, Tái-Tạo đưa một người đàn ông về đến cổng. Cả ba người đều trông ra, thấy một người khỏe-mạnh, điệu-bộ đường-hoàng. Người ấy vào đến thềm, liền quỳ lậy :

— Bẩm lạy Lão phu-nhân, thượng-quan và phu-nhân, hạt-dân xin lạy mừng các bậc bề trên qua chơi.

Liên-Tường đã vội chạy ra hỏi Tai-Tạo ;

— Em bảo mọi khi cha không hay đi đâu cả ?

— Vâng ít khi lắm, thưa chị.

Người kia liền khẽ bảo Tai Tạo :

— Ở ết thế nào mà con dám gọi được là chị !

Trần-Long liền nghiêm-nghị hỏi người kia :

— Ông là chủ-nhân nhà này ?

Người kia lễ-phép thưa :

— Bẩm Thượng-quan, đây là nhà của anh rể hạ dân.

Trong khi ấy, Liên-Tường vẫn hỏi Tái-Tạo :

— Thế ai đi với em đấy ?

— Thưa chị, cậu em đấy ạ, em ruột sinh-mẫu em.

Liên Tường chợt hiểu có lẽ người này về trước xui-giục Phan-công đi trốn, nên hỏi dồn :

— Có phải ông ấy vừa phi ngựa trước em lúc nãy ?

— Vâng.

— Vậy sao hôm nay cha lại đi vắng ?

— Bẩm, em cũng không được biết.

— Em biết !... Em phải nói ngay.

Giọng nói có vẻ gay-gắt và nghiêm-nghị, đôi mắt ngầu-ngầu trên khuôn mặt đỏ bừng-bừng làm cho Liên-Tường oai-phong gấp bội, và nhời nói của nàng lúc ấy thành như một lệnh truyền. Tái-Tạo phải cúi mặt xuống ấp-úng thưa :

— Bẩm chị, có lẽ người sợ !

— Người sợ gì ?

— Người sợ quan-quân đến bắt nên người đi trốn.

— Đâu ? Đâu ?

— Thưa chị, người trốn ở rừng !

Liên-Tường liền chạy bổ xuống sân, cầm lấy cánh tay Tái-Tạo run đi và giục :

— Đi ! đi ! Em dẫn chị đi.

Liên-Tường liền vội-vàng theo Tái-Tạo đi, mặc Trần-Long chạy sau gọi hỏi. Nàng cứ đi, quanh-co theo lối xiên qua những cỏ rậm, giây leo, dưới những cây to rậm-rạp, đến một bụi cây gai-góc tua-tủa còn giữ được cả mọi vẻ hoang-vu hùng-mãnh. Thấy tiếng động và tiếng nói láo-sáo, một ông lão còn khỏe mạnh vội chạy vọt ra chực trốn vào giữa rừng. Nhanh-nhẹn, Liên-Tường, hai tay quờ lấy cành cây chạy vượt lên và gọi :

— Thưa cha ! Cha ơi, cha ! Con đây mà ! Đứa con bất hiếu Liên-Tường đây mà !

Ông cụ quay lại nhìn, rồi lại ù té chạy, không nói gì cả. Liên-Tường

liền chạy theo oà lên khóc-lóc kêu rằng :

— Thưa cha, cha giận con bạc-bội sao ? Con xin cha, cha thương con !

Ông cụ lại đứng lại quay nhìn chằm-chặp vào Liên-Tường và vẫn không nói năng gì cả. Cụ đứng im lặng như phỗng, trong khi Liên-Tường và Tái-Tạo tiến vội lại gần. Tái-Tạo cầm lấy tay ông cụ, rồi im lặng đứng nhìn. Liên-Tường quỳ ngay xuống đất, ôm lấy chân ông cụ, khóc-lóc kêu rằng.

— Thưa cha, con tìm cha đã chín mười năm nay, nay Giời Phật dun-dủi cho con lại được gặp cha, cha nỡ nào giận con mà không nhận con ? Thưa cha !

Ông cụ vẫn không nói, đưa tay đỡ Liên-Tường đứng dậy giữa lúc Trần-Long, Phan phu-nhân cùng người đàn ông lúc nãy, theo lối và nghe tiếng nói. đã lần đến nơi. Phan phu-nhân trông thấy ông cụ, liền khóc kêu lên rằng :

— Phu-quân ơi, tìm nhau trong đằng đẵng mười năm giời rồi, tưởng không còn gặp nhau trên nhân thế nữa. Nay may được thấy, phu-quân lại chực trốn mẹ con tôi sao ?

Trông thấy Phan phu-nhân và nghe nói thế, Phan Thượng-thư, vì chính ông cụ ấy là Phan Thượng-thư, liền thốt ra được một tiếng :

— Phu-nhân !

Rồi nước mắt ông tự nhiên giàn giụa. Ông già hơn bẩy mươi tuổi, gặp những cảnh khốn cùng oan uổng, cho cả đến ở nơi tù ngục cũng vậy, không bao giờ ông tỏ vẻ ươn hèn ra bằng nước mắt. Nhưng lần này, dưới mái tóc trắng bông, trước sự vui sướng ngẫu-nhiên không mong đợi, tâm hồn ông phút chốc đã trở về với hồi thơ trẻ, ông khóc sung sướng, khóc vui mừng, cõi lòng ông rung động quá mạnh, giữa lúc sợ hãi lo âu, nên tình cảm dào giạt tràn lên nước mắt. Trong phút cảm động thiêng liêng ấy, mọi người đều phải im lặng...Phan phu-nhân cũng hết sụt sịt, nhìn Phan Thượng-thư một lúc rồi nói :

— Đây con ! đây rể !

Bấy giờ, Phan công mới nói :

— Tưởng nó chết rồi kia mà !

Trong khi ấy, Trần Long đã sụp xuống lạy chào :

— Tiện-tế xin lạy chào nhạc phụ !

Phan-công đỡ Trần-Long dậy và nói thong thả :

— Hiền tế đương làm đề-đốc bản trấn à ?

— Bẩm lạy nhạc phụ, vâng ạ !

— Thế thì ta là đồng phạm với hung phạm Phan Tái Tạo, cả nhà đang chịu án hình, lẽ nào dám nhận thân với thượng quan.

Trần-Long vội lạy thưa :

— Trăm lạy nhạc phụ, Tham quán Trần-ngũ là quan chức của Triều-đình, giữa đường phạm phép, tội đáng chết lắm. Như vậy kẻ vì người oan mà trừ hại, tội đã giảm đi một nửa. Nay công-tử bản chết gian nhân, lại ra thú nhận, trên đối với phép nước, dưới đối với quốc dân, công tử không còn có tội nữa. Ai dám nói là hung phạm và đồng phạm mà nhạc phụ tự nhận ?

Liên-Tường liền nói với Phan công :

— Xin cha đi về nhà !

Phan phu-nhân cũng giục :

— Con nó đã nhận được cha rồi, xin phu quân về nhà nói chuyện cho tiện, cho vui vẻ.

Phan-công gật đầu, rồi đứng dậy đi về. Mọi người đều thong thả cất bước theo sau. Tái-Tao và Liên-Tường đi sát liền hai bên Phan-công để đỡ cho người. Phan phu-nhân, Trần-Long và người đàn ông kia đi lùi lại sau. Cả đoàn lại rẽ lá đi ra. Về đến nhà, Phan-công vui vẻ đứng địa vị chủ nhà, bảo mọi người ngồi xuống giường, rồi chỉ tay vào người đàn ông lạ mà nói với vợ, con gái và con rể rằng :

— Đây là cậu Lương-Điền em giai nhà bé đấy. Cậu vừa là người em vợ vừa là một người bạn thân của ta ở trong giữa rừng này. Đã ngót mười năm nay ta không thò ra đến đâu cả.

Mọi người đều tỏ vẻ hoan hỉ cảm tạ Lương-Điền.

Trong khi ấy, Phan công quay lại giới-thiệu mọi người với Lương Điền, từ Phan phu nhân đến Liên-Tường rồi sang Trần-Long. Cuối cùng Phan công tiếp :

— Giời thật, cậu ạ, mà cũng là Phật tổ dun dủi mới có ngày sum họp ly kỳ thế này. Chính tôi cũng tưởng là cháu nó chết thật rồi. Nào ngờ lại còn sống sót mà nên danh phận như ngày nay. Liên-Tường thấy nói đến mình, liền hỏi lảng ngay sang chuyện khác mà nàng đang để ý đến hơn.

— Thưa cha, dì con đâu ạ ?

Lương-Điền liền đáp hộ :

— Thưa phu nhân, bà bé tôi đi rừng ạ.

Liên-Tường vội nói :

— Thưa cậu, tôi là con cháu trong nhà, cậu quá xưng như thế tôi tự lấy làm hổ thẹn lắm. Cậu đừng gọi thế nữa ! Thưa cậu, dì tôi đi đã lâu chưa ?

Phan công liền bảo :

— Để Tái Tạo nó đi tìm về.

Lương-Điền đứng lên nói :

— Thưa thượng quan, tiểu dân xin phép đi tìm cho mau hơn ạ. Để công tử ở nhà hầu vặt.

Nói rồi, Lương-Điền trở ra, lấy ngựa phóng đi liền. Một lúc sau, chàng đã trở về cùng với một người đàn bà đứng tuổi, đai nịt gọn gàng. Thoạt trông thì người ấy ra vẻ nữ nhân nam tướng ; nhưng nhìn kỹ thì ra con người đẹp hùng dũng và kín duyên. Người cao lớn nhưng thanh dáng đi mạnh mẽ nhưng nhẹ nhàng, người ấy uyển chuyển, tự nhiên, đi dảo bước qua chỗ bọn lính hầu, bước lên thềm quỳ lạy Phan phu-nhân và nói :

— Tiện-tỳ xin bái chúc lão phu-nhân, đại-quan cùng phu-nhân.

Liên-Tường vội vàng ra đỡ dậy trong khi Phan công giới thiệu.

— Đây là cô Lương-Thoa, thứ phòng của tôi và thân sinh ra Tái-Tạo.

còn nữa

CHU-THIÊN

Các bạn thiếu-niên vừa bước chân ra khỏi học đường đừng bỏ qua mà chẳng đọc :

« *Tiền và thương mải* »

và

«*Chiến thuật con buôn*»

Nó là loại sách thiết-thực ASAU và cũng là bạn thân của những người có chí và có máu Annam đứng-đắn.

●

MAISON ASAU

72, Rue Chaigneau, Saigon

CẦN PHẢI ĐỌC :

TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ THUẬT...

Văn học bình luận của

VŨ NGỌC PHAN

Để hiểu biết *nghệ thuật viết*, phân biệt các *loại văn* và *đặc tính văn chương* của Pháp, Anh, Trung-Hoa, Việt-Nam v. v...

Dày : 200 trang giá : 1p50

MỚI CÓ BÁN :

BÀ QUẬN MỸ

Lịch sử tiểu thuyết của CHU THIÊN

Tác giả cuốn « Bút Nghiên ».

Cả một thiên tình sử đẫm lệ.

Cả một tấm gương sáng cho phái nữ-lưu.

Dày : 180 trang — Giá : 1p00

Tập Kiều

của TỦ PHANH

Tập văn giá trị ; Có 8 phụ bản của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng

Giá 1p00

« NGUYỄN DU » xuất bản

Đường 206bis số 11, Hà-nội

VŨ HAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông-dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân

93, Phố Hàng Bông Hanoi

Đang in

VIỆT-NAM CỔ VĂN HỌC SỬ'

tác giả Nguyễn đổng-Chi, *tựa của* Trần-v-Giáp

Lời bạt *của* HUỲNH THÚC-KHANG

500 trang — Bìa của Nguyễn đỗ Cung —

Giá 4p50 — Bản Impérial d'Annam : 25p —

Bản dó lụa sông Thao : 20p —

Bản Super Glacé ; 15p

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10% và không phải trả tiền bưu phí

→ **HÀN-THUYÊN**

— 71 Tien Tsin Hanoi

Directeur : Nguyễn Tường-Phượng — Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi